

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Số: 1626 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Lai Châu, ngày 05 tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022

(Trình kỳ họp thứ sáu HĐND thành phố khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH, ĐẢM BẢO QP-AN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2022 được triển khai trong bối cảnh vừa có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen. Ngay từ đầu năm, trên cơ sở Nghị quyết của HĐND thành phố giao chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2022, UBND thành phố đã kịp thời ban hành Kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo với các giải pháp mang tính trọng tâm, phù hợp với điều kiện tình hình thực tế của địa phương. Dịch bệnh Covid -19 đã được kiểm soát, cả nước thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện bình thường mới là những tiền đề quan trọng để thành phố thực hiện đồng bộ được các giải pháp trọng tâm thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Bên cạnh đó, Trung ương, tỉnh đã sớm triển khai các Chương trình, Đề án là cơ hội để thành phố tận dụng các nguồn lực thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi vẫn còn nhiều khó khăn thách thức ảnh hưởng trực tiếp đến công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố. Đó là sự tiềm ẩn nguy cơ về dịch bệnh có thể có những diễn biến khó lường, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thời tiết diễn biến còn phức tạp, giá cả nguyên, nhiên vật liệu không ổn định có xu hướng tăng cao... là những khó khăn sẽ ảnh hưởng trực tiếp và toàn diện đến các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, với sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng khắc phục mọi khó khăn của nhân dân các dân tộc trên địa bàn thành phố, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm trên địa bàn thành phố đã đạt được nhiều kết quả tích cực, quốc phòng, an ninh được bảo đảm, cụ thể trên từng lĩnh vực như sau:

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2022

1. Về phát triển kinh tế

a) Thương mại - dịch vụ, du lịch

Hoạt động xúc tiến thương mại được tăng cường; công tác quảng bá, phát triển du lịch được quan tâm chỉ đạo. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu

dùng 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 1.800 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 52 % KH giao, trong đó: Thương nghiệp (*giá hiện hành*) ước đạt 1.714 tỷ đồng, đạt 52% KH; Dịch vụ lưu trú, ăn uống và tiêu dùng ước đạt 85,3 tỷ đồng, đạt 49% KH.

Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đặc biệt trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên Đán để đảm bảo công tác VSATTP, phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại, kịp thời phát hiện và xử lý một số trường hợp vi phạm theo quy định⁽¹⁾. Đặc biệt quản lý tốt các mặt hàng phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19, đảm bảo cung ứng đủ hàng hóa phục vụ Nhân dân.

Ban hành Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 28/02/2022 về phát triển thương mại dịch vụ, du lịch trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2022 để chỉ đạo tổ chức thực hiện; Triển khai thực hiện quy định của Chính phủ về thương mại điện tử; Phối hợp xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án "*Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030*"; đề xuất dự án triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; thông tin tới các cá nhân, tổ chức sản xuất và kinh doanh về các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ giới thiệu sản phẩm trong và ngoài tỉnh, đặc biệt tại các sự kiện "*Phiên Chợ Nông Sản*" và "*Tuần Du lịch – Văn hóa Lai Châu năm 2022*" được tổ chức tại thành phố Lai Châu.

Ban hành Kế hoạch 567/KH-UBND ngày 14/3/2022 về thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP năm 2022, đẩy mạnh việc mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm OCOP của địa phương gắn với tham gia giới thiệu trung bày quảng bá tại các sự kiện văn hóa, du lịch, xúc tiến thương mại, qua đó đã nhận được phản hồi rất tích cực từ phía người tiêu dùng trong cả nước. Chỉ đạo thực hiện đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP thành phố đợt I năm 2022.

Trong 6 tháng đầu năm tổng lượt khách du lịch đến với thành phố là 64.714 lượt người, tăng 77% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 64% kế hoạch; Doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 76,6 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 57% KH. Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở lưu trú, nhà hàng, khách sạn, đón và phục vụ khách tham quan du lịch đến địa bàn khi cả nước thực hiện phương châm cùng thích ứng an toàn với dịch bệnh Covid-19 vào các dịp như: Tuần du lịch văn hóa Lai Châu năm 2022; dịp nghỉ Lễ Giải phóng Miền Nam 30/4 và ngày Quốc tế lao động 1/5... Một số địa điểm du lịch trên địa bàn thành phố

⁽¹⁾ Ban hành Kế hoạch số 441/KH-BCĐ ngày 07/3/2022 về công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và VSATTP trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2022. Thành lập 02 đoàn kiểm tra kiểm tra liên ngành kiểm soát thị trường, số vụ vi phạm đã phát hiện xử lý là 23 vụ trong đó: 08 vụ vi phạm về nhãn mác hàng hóa; 01 vụ vi phạm không niêm yết giá; 04 vụ vi phạm về ATVSTP; 04 vụ vi phạm về y tế (dược phẩm); 05 vụ vi phạm không rõ nguồn gốc xuất sứ; 01 vụ vi phạm về điều kiện kinh doanh rượu. Tổng số tiền XPVPHC là: 119,9 triệu đồng.

đã thu hút được đông đảo khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm như: Chợ phiên - chợ Đêm San Thàng; Hang động Pusamcap - Bản Gia Khâu ...

b) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Tổng giá trị sản xuất CN-TTCN lũy kế 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 235 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ, đạt 43% kế hoạch⁽²⁾. Đề nghị Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Lai Châu năm 2022 xét chọn sản phẩm công nghiệp tiêu biểu nông thôn năm 2022 với 03 cơ sở với 6 sản phẩm.

c) Sản xuất nông - lâm nghiệp, thủy sản, khuyến nông, xây dựng NTM, thủy lợi và phòng chống thiên tai

Trong 6 tháng đầu năm đã chỉ đạo triển khai trồng 719 ha ngô xuân sớm và xuân hè, đạt 97% kế hoạch; gieo cấy 05/05 ha Lúa Chiêm Xuân đảm bảo 100% kế hoạch; Gieo cấy Lúa mùa với diện tích 523 ha, đạt 100% kế hoạch; hướng dẫn Nhân dân chăm sóc, thu hoạch 78,7 ha cây Hoa, 160,4 ha cây ăn quả hiện có, đạt 100% kế hoạch. Hướng dẫn Nhân dân chăm sóc diện tích Chè hiện có là 953 ha, đạt 99% kế hoạch; 280,4 ha diện tích cây Mắc Ca, đạt 100% kế hoạch; 32,9ha Cây Thảo quả đạt 100% kế hoạch. Triển khai thực hiện 02 mô hình khuyến nông⁽³⁾. Giá trị sản xuất nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản 6 tháng đầu năm 2022, ước đạt 192 tỷ đồng đạt 46% kế hoạch, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2021. (Trong đó: Nông nghiệp ước đạt 171,5 tỷ đồng, đạt 44% kế hoạch, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2021; Lâm nghiệp ước đạt 4,9 tỷ đồng, đạt 75% kế hoạch; Thủy sản ước đạt 16,1 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021).

Chỉ đạo thực hiện khảo sát đánh giá lại diện tích một số loại cây trồng chính trên địa bàn các xã, phường để nắm bắt, tổng hợp phục vụ cho công tác quản lý chỉ đạo điều hành. Ban hành Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 về việc phê duyệt nội dung, danh sách các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, trên địa bàn thành phố Lai Châu được hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND tỉnh năm 2022.

Công tác phòng chống đói, rét, dịch bệnh cho vật nuôi được quan tâm chỉ đạo, chủ động thực hiện các biện pháp xử lý, ứng phó kịp thời với diễn biến thời tiết bất thường, hạn chế thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra; triển khai phun tiêu độc khử trùng môi trường đợt I năm 2022⁽⁴⁾, triển khai tiêm vắc-xin phòng bệnh định kỳ vụ Xuân hè cho đàn gia súc, gia cầm năm 2022⁽⁵⁾. Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022, tổng đàn gia súc (tính có mặt) đạt 15.644 con, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 84% kế hoạch; Đàn gia cầm ước đạt 84.661 con, tăng 10% so với cùng kỳ, đạt 79% kế hoạch.

⁽²⁾ Phân theo thành phần kinh tế: Quốc doanh địa phương đạt 33,5 tỷ đồng, đạt 48% KH; Khu vực ngoài quốc doanh ước đạt 202 tỷ đồng, đạt 42% KH;

⁽³⁾ Mô hình trồng cây ven đường thôn bản: Quy mô 107 cây lát hoa trên địa bàn xã San Thàng và Mô hình trồng thử nghiệm 10ha cây Dong Riềng tại xã Sùng Phài.

⁽⁴⁾ Thuốc sát trùng 880 lít, trong đó (nguồn tinh cấp cho thành phố năm 2021 là 523 lít, 357 lít từ nguồn NSDP) thực hiện phun tại các hộ chăn nuôi, chợ, nơi giết mổ được 1.544.400 m². Tổng kinh phí thực hiện là 97.319.000 đồng.

⁽⁵⁾ Tỷ lệ tiêm phòng đạt 95% liều vắc xin cấp. Tổng kinh phí thực hiện 184.258.000 đồng.

Tập trung chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô, tổ chức tuyên truyền 18 cuộc với 940 lượt người tham gia, triển khai cho ký cam kết bảo vệ rừng, PCCCR với 292 hộ, nhóm hộ. Phát hiện và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ rừng, thực hiện chi trả DVMTR và khoanh nuôi bảo vệ tái sinh rừng theo quy định.⁽⁶⁾ Tỷ lệ che phủ rừng ước thực hiện 6 tháng đạt 27,5 %, đạt 100,3% KH.

Chỉ đạo xây dựng, ban hành Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM năm 2022; hướng dẫn 02 xã duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng NTM đã đạt; báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu xây dựng NTM trên địa bàn các xã theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương và của Tỉnh.

Chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra, hướng dẫn Nhân dân chăm sóc và nuôi trồng thủy sản trên 118,7ha diện tích ao nuôi, đạt 100% kế hoạch; Sản lượng thu hoạch 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 293 tấn, tăng 10% so với cùng kỳ và đạt 61% kế hoạch. Chỉ đạo kiểm tra, rà soát tài sản hạ tầng các công trình thủy lợi giao cho phòng Kinh tế quản lý khai thác vận hành theo quy định Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ, đảm bảo nước tưới tiêu phục vụ sản xuất, nước sinh hoạt cho Nhân dân; Tổ chức ứng trực 24/24 giờ khi có diễn biến thời tiết bất thường xảy ra để có các biện pháp ứng phó kịp thời⁽⁷⁾.

2. Thu, chi ngân sách nhà nước

Công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách được thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Năm 2022, với chủ trương triệt để tiết kiệm, tập trung mọi nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ phục hồi phát triển kinh tế - xã hội sau khi tình hình dịch bệnh Covid-19 về cơ bản đã được kiểm soát; thực hiện nghiêm các quy định của Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí và phòng chống tham nhũng.

Tổng thu NSĐP lũy kế ước thực hiện đạt 263.534 triệu đồng, đạt 63% kế hoạch tỉnh giao và đạt 62% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Tổng thu NSNN trên địa bàn ước đạt 56.136 triệu đồng, đạt 31% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 30% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao (*trong đó: Thu ngân sách trên địa bàn thành phố hướng 52.327 triệu đồng, đạt 33% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 32% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao; thu cân đối ngân sách 41.116 triệu đồng đạt 46,8% kế hoạch tỉnh giao và đạt 43,8 % so với Nghị quyết HĐND thành phố giao;* thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 118.094 triệu đồng; thu chuyển nguồn 93.113 triệu đồng. Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ của nhà nước về miễn, giảm, gia hạn các loại thuế cho các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh trên địa bàn. Đẩy

⁽⁶⁾ Phát hiện xử lý 11 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách là 195.360.000 đồng, trong đó: Tiền phạt VPHC là 106.500.000 đồng; tiền bán tang vật tịch thu 1.500.000 đồng; tiền nộp tương đương giá trị phương tiện bị tịch thu 87.360.000 đồng; Tổ chức chi trả tiền DVMTR năm 2021 với số tiền chi trả là: 3.220.896.527 đồng, diện tích nghiệm thu 2.562,44 ha. Tổ chức ký hợp đồng bảo vệ theo chính sách rừng chi trả tiền DVMTR năm 2022 với 9 cộng đồng, 75 nhóm hộ, 255 hộ gia đình với tổng diện tích hợp đồng 2.624,69 ha; nghiệm thu, thanh toán tiền khoanh nuôi tái sinh rừng với diện tích là 28,4 ha, tổng số tiền thanh toán là 5.064.334 đồng.

⁽⁷⁾ Trong 6 tháng trên địa bàn thành phố đã xảy ra mưa lốc, mưa đá, lượng mưa lớn gây thiệt hại đối với nhà dân tại tại tổ 11, phường Đoàn Kết và 120 nhà bị ảnh hưởng tốc mái, hư hỏng thiết bị. Cụ thể về hạ tầng ngập úng cục bộ một số tuyến đường Điện Biên Phủ và Khu vực tổ 11, phường Đoàn Kết; trên 500 cây xanh đô thị bị gãy, đổ. Về nông nghiệp: Dập nát hơn 2,5ha hoa màu tại xã San Thàng, phường Quyết Thắng, xã Sùng Phài; 1,2ha nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại tràn bờ tại xã San Thàng. Tổng thiệt hại ước tính khoảng 1,5 tỷ đồng.

mạnh các biện pháp có hiệu quả để triển khai hóa đơn điện tử trên địa bàn thành phố theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh.

Tổng chi ngân sách NSDP ước thực hiện đạt 157.428 triệu đồng, đạt 38% kế hoạch tỉnh giao và đạt 37% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao (*trong đó: chi đầu tư 10.202 triệu đồng, chi thường xuyên 146.441 triệu đồng, chi dự phòng ngân sách 785 triệu đồng*).

3. Về xây dựng cơ bản

Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tổng kế hoạch vốn năm 2022 là 110.662 triệu đồng (*Vốn tỉnh quản lý: 39.325 triệu đồng, Vốn thành phố quản lý: 71.337 triệu đồng*); Khối lượng thực hiện 01/01/2022 đến thời điểm báo cáo 32.084 triệu đồng; Giá trị giải ngân là 20.853 triệu đồng, đạt 18,8% kế hoạch. Ước thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 khối lượng đạt 190.666 triệu đồng, giá trị giải ngân là 110.662 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

4. Quản lý đô thị

Chỉ đạo thực hiện và làm tốt công tác lập quy hoạch và quản lý quy hoạch trên địa bàn, một số đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đã hoàn thành và được UBND tỉnh phê duyệt, một số đồ án đã lập nhiệm vụ xong và đang triển khai thực hiện hoặc đang tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư và cơ quan, tổ chức về nhiệm vụ quy hoạch⁽⁸⁾. Chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt công tác duy trì, chăm sóc cây xanh, đảm bảo mỹ quan đô thị. Chỉ đạo cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ cho 165 hồ sơ đảm bảo theo quy định; kiểm tra, phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, xây dựng, đô thị với 237 lượt trường hợp.

5. Tài nguyên - Môi trường, công tác BT HT, TĐC

Chỉ đạo tập trung thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án, ban hành các kế hoạch thu hồi đất, thông báo thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư theo đúng quy định. Chỉ đạo quyết liệt trong giải quyết những vướng mắc trong GPMB đối với một số dự án như: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc (*Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu*); Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (*San Thàng – Then Sin – Mường So*); Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu... và một số dự án mới như: Tuyến đường từ QL4D đến đường Tả Chải – Trung Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu; Khu đô thị thiền đường Mắc ca ... Ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác BT, HT, TĐC và Tổ công tác giải quyết tồn tại, vướng mắc trong công tác BT, HT, TĐC, nhằm kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong GPMB của các dự án trên địa bàn.

⁽⁸⁾ Các đồ án đã hoàn thành và được UBND tỉnh phê duyệt: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị phía Đông Nam thành phố và Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu nhà ở Vạn Xuân. Một số đồ án đang triển khai các bước tiếp theo gồm: Quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị cửa ngõ phía Đông Nam thành phố Lai Châu; Quy hoạch chi tiết xây dựng tại xã San Thàng; Quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Đông Nam bên trái trục đường Đăng Văn Ngữ, phường Đông Phong, xã San Thàng, thành phố Lai Châu; Quy hoạch 5 phường; Quy chế quản lý kiến trúc; Quy hoạch chi tiết cây xanh. Công tác quản lý quy hoạch: Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung tại phường Tân Phong, xã Sùng Phài và tổ 23, phường Đông Phong.

Chỉ đạo thực hiện và hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2021. Phê duyệt Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất (*đất tái định cư*) cho các hộ gia đình, ban hành 02 Quyết định phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất (*Fuong án đấu giá Khu 9, tổ dân phố số 19, phường Tân Phong và Phương án đấu giá tại Lô CL15, thuộc tổ 12, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu*).

Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp tục phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và UBND các xã, phường thực hiện cấp 434 giấy chứng nhận QSD đất, ⁽⁹⁾, giải quyết thủ tục hành chính với 210 lượt hồ sơ (trong đó: cấp giấy CNQSD đất lần đầu 88 lượt hồ sơ; chuyển mục đích sử dụng đất 12 lượt hồ sơ; đính chính giấy chứng nhận QSD đất 110 lượt hồ sơ).

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, đặc biệt trong dịp Lễ Tết và các sự kiện quan trọng của Tỉnh và Thành phố tổ chức, tỷ lệ thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 98,9%.

6. Giáo dục - Đào tạo, Khoa học - Công nghệ

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác đổi mới giáo dục, quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. 100% các trường Tiểu học, Trung học cơ sở xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch năm học 2021-2022.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia năm 2022, đồng thời duy trì giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn các trường đã đạt chuẩn. Đến nay trên địa bàn thành phố có 23/30 trường duy trì và đạt chuẩn quốc gia mức độ I đạt tỷ lệ 76,7% và đạt 96% kế hoạch; Mức độ II đạt 13/30 trường đạt 43,3% và đạt 81% kế hoạch.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Rà soát, đánh giá sắp xếp đội ngũ gắn với tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đến nay trên địa bàn thành phố hiện có 796 giáo viên, trong đó có 699 giáo viên đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 87,8% trên tổng số giáo viên và đạt 96% kế hoạch. Trong năm học 2021-2022 toàn thành phố có 184 giáo viên được công nhận đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

Tiếp tục tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo phòng ban chuyên môn hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xét “*kỷ niệm chương vì sự nghiệp khoa học và công nghệ*” năm 2022 đảm bảo quy định; Chỉ đạo thành lập Hội đồng xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng sáng kiến ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2021-2022, thực hiện tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị xét, trình và công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến đảm bảo đúng quy định.

7. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân

⁽⁹⁾ Đã trình ký cấp 434 giấy chứng nhận QSD đất theo dự án đồng loạt (Sở Tài nguyên và Môi trường ký 161 GCN; UBND thành phố ký 273 GCN). Giải quyết TTHC cấp giấy CNQSD đất lần đầu 88 hồ sơ, diện tích 24.917,5m², đất ở 9.158m², đất nông nghiệp 3.309,33m²; chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở 12 hồ sơ, với diện tích 3.309,33m²; đính chính GCNQSD đất 110 lượt hồ sơ, trong đó: Đính chính chính lý biên độ 71 lượt hồ sơ; đính chính cấp đổi 34 lượt hồ sơ; không đủ điều kiện 05 hồ sơ.

Công tác giáo dục y đức, tinh thần thái độ phục vụ bệnh nhân của đội ngũ cán Bộ Y tế được quan tâm chú trọng thực hiện. Chỉ đạo trực thường trực cấp cứu 24/24 giờ, tiếp nhận khám, chẩn đoán, điều trị và chuyển tuyến kịp thời.⁽¹⁰⁾ Công tác quản lý Nhà nước về y tế, việc quản lý các cơ sở hành nghề y, được tuân thủ được thực hiện thường xuyên, hiệu quả. Việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; công tác kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm được quan tâm chú trọng triển khai thực hiện có hiệu quả⁽¹¹⁾.

Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện, đến nay tình hình dịch bệnh về cơ bản đã được kiểm soát; đánh giá nguy cơ cấp độ dịch theo Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế thì toàn thành phố là cấp độ 1⁽¹²⁾. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác tiêm chủng Vắc-xin Covid-19, đặc biệt tiêm cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi⁽¹³⁾.

8. Công tác văn hóa, văn nghệ, thể thao, thông tin, truyền thông

Các hoạt động hưởng ứng phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do cấp tỉnh tổ chức được quan tâm thực hiện và đạt nhiều kết quả quan trọng. Đặc biệt là hoạt động hưởng ứng Tuần du lịch – văn hóa Lai Châu năm 2022, các hoạt động văn hóa, văn nghệ duy trì bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn thành phố Lai Châu được tổ chức với nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa.

Đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền theo đúng định hướng: kịp thời phản ánh các mặt hoạt động đời sống kinh tế, văn hóa xã hội của Thành phố. Tập trung tuyên truyền đưa Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống, trọng tâm là Nghị quyết XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IV nhiệm kỳ 2020-2025 với nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, qua việc xây dựng các Chương trình, tin bài phát sóng trên các chương trình truyền hình, truyền thanh, tiếp sóng và tuyên truyền bằng bǎng rôn, khẩu hiệu, đặc biệt tuyên truyền nhân dân thực hiện nghiêm các quy định trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 với phương châm “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả Covid-19”, đã tạo được sự đồng thuận cao trong xã hội⁽¹⁴⁾.

⁽¹⁰⁾ Thực hiện khám bệnh cho 26.668 lượt người; điều trị ngoại trú cho 7.068 bệnh nhân.

⁽¹¹⁾ Trung tâm y tế thành phố đã phối hợp với 16 đoàn kiểm tra liên ngành, kiểm tra, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với 461 cơ sở; giám sát đối với 312 cơ sở. Phát hiện 53 cơ sở vi phạm, xử phạt VPHC đối với 03 cơ sở, với tổng số tiền là 4.800.000 đồng.

⁽¹²⁾ Trong 6 tháng đầu năm 2022, đã xảy ra dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố, đến ngày 16/5/2022 có tổng số 15.409 ca mắc, trong đó 15.327 ca đã khỏi bệnh, còn 82 ca đang cách ly và điều trị (trong đó có 03 ca điều trị tại cơ sở y tế, 79 ca điều trị tại nhà).

⁽¹³⁾ Số người từ 18 tuổi trở lên có mặt trên địa bàn được tiêm vắc xin phòng Covid-19 mũi 1 là 29.976/29.976 người, đạt 100%; số người tiêm đủ 2 mũi: 29.533/29.976 người, đạt 98,5%; số người tiêm mũi 3 bổ sung và mũi 3 nhắc lại: 27.529/29.976 người, đạt 92% (trong đó, đối tượng có nguy cơ cao tiêm 3 mũi: 7.037/7.773 đạt 90,5%). Số trẻ em từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi có mặt trên địa bàn được tiêm vắc xin phòng Covid-19 mũi 1 là: 6.207/6.207 trẻ, đạt 100%; số tiêm đủ 2 mũi là: 5.915/6.207 trẻ, đạt 95,3%. Số trẻ em 05 tuổi đến dưới 12 tuổi được tiêm vắc xin phòng Covid-19 mũi 01 theo phân bổ vắc xin của tỉnh là 3.173/8.326 trẻ, đạt 38,01%.

⁽¹⁴⁾ Lũy kế 6 tháng năm 2022: Đã xây dựng 25 chương trình truyền hình với thời lượng 750 phút gồm 182 tin, bài; Xây dựng 54 chương trình truyền thanh với thời lượng 5.840 phút; 673 tin, bài, phóng sự tuyên truyền các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, phát triển sản phẩm OCOP và số văn bản khác; Phát sóng chương trình thời sự địa phương, truyền thanh trực tiếp, tiếp và phát sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài PT-TH tỉnh được: 1.024 giờ; Tuyên truyền bằng rôn

9. Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội, chăm sóc và bảo vệ trẻ em

Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người có công, người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng chính sách xã hội theo quy định.⁽¹⁵⁾ Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh Lai Châu cấp mới và gia hạn BHYT năm 2022 cho 751 người có công, thân nhân người có công và các đối tượng theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thuộc ngành lao động quản lý.

Làm tốt công tác bảo trợ xã hội, ban hành các Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng, thôii hưởng trợ cấp và các Quyết định hỗ trợ chi phí mái táng cho các đối tượng được hưởng theo quy định. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với Ban điện thành phố thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho 549 đối tượng BTXH và người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng và trẻ em mồ côi với tổng số tiền trên 1,8 tỷ đồng. Các hoạt động chăm sóc, bảo vệ trẻ em và bình đẳng giới tiếp tục được quan tâm chú trọng thực hiện.

Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề được chú trọng triển khai thực hiện. Ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022. Chỉ đạo thực hiện việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh năm 2022 theo Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, sau khi rà soát, trên địa bàn Thành phố hiện có 255 hộ nghèo, tỷ lệ là 2,02% và 76 hộ cận nghèo, tỷ lệ là 0,60%; phối hợp rà soát tuyển chọn lao động đi làm việc trong nước và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng...

Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022: Số lao động được đào tạo là 150 người, đạt 43% kế hoạch (*thuộc lớp đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng, trong đó lao động nữ là 177 người, đạt 41% kế hoạch*); Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng đạt 84,4% và đạt 99,8% kế hoạch; Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 79,9%, đạt 99,7% kế hoạch. Tạo việc làm mới cho 588 lao động, đạt 64% kế hoạch (*trong đó lao động nữ là 266 người đạt 59% kế hoạch*). Số hộ được vay vốn tạo việc làm đạt 278 hộ, đạt 48% kế hoạch (*trong đó hộ nghèo là 33 hộ, đạt 100% kế hoạch*). Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn làm tốt công tác phòng chống tệ nạn xã hội, quản lý, nắm bắt danh sách người nghiện ma túy, phối hợp thống nhất quy trình lập hồ sơ đưa người đi cai nghiện theo quy định⁽¹⁶⁾.

10. Công tác Dân tộc và Tôn giáo

Tình hình tôn giáo trên địa bàn Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2022 ổn định, các hoạt động tôn giáo trên địa bàn được tuân thủ theo quy định của pháp luật. Công

khẩu hiệu: 330 băng rôn; cờ dây 180 điêm; cờ hồng kỳ 800 điêm; cờ đuôi nheo 1.200 điêm; vòng inox 34 vòng (680 cờ hồng kỳ); pa nô 12 cụm; xe thông tin lưu động: 1.025 lượt.

⁽¹⁵⁾ Tổng số 1.960 suất quà, với tổng số tiền 657.250.000 đồng (*trong đó: Nguồn NSNN 490.550.000 đồng; nguồn xã hội hóa 166.700.000 đồng*). Chi trả trợ cấp xã hội 6 tháng đầu năm 2022 cho người có công và thân nhân người có công với tổng số tiền là: 2.260.488.200 đồng;

⁽¹⁶⁾ Chỉ đạo phòng Lao động – thương binh và xã hội phối hợp với Tòa án nhân dân Thành phố ban hành Quyết định đưa 04 người đi cai nghiện bắt buộc và 03 người đi cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm cai nghiện bắt buộc của Tỉnh.

tác kiểm tra, nắm tình hình, vùng đồng bào dân tộc được chỉ đạo thực hiện thường xuyên; các chính sách đối với đồng bào dân tộc được quan tâm thực hiện đầy đủ. Chỉ đạo các đơn vị, chính quyền địa phương thường xuyên bám sát địa bàn để kịp thời nắm bắt, ngăn chặn, giải quyết các tình huống phát sinh ngay tại cơ sở, không để nảy sinh tình huống phức tạp liên quan đến công tác tôn giáo trên địa bàn. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo được quan tâm thực hiện thực hiện thường xuyên.

11. Lĩnh vực quốc phòng – an ninh; công tác đối ngoại

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng, chống dịch Covid-19; Chỉ đạo thực hiện, xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức trực sẵn sàng chiến đấu. Ban hành Kế hoạch công tác Quân sự - Quốc phòng và kế hoạch công tác Quân sự, quốc phòng địa phương năm 2022. Ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ diễn tập KVPT thành phố 2022, khảo sát dự kiến thao trường diễn tập khu vực phòng thủ thành phố. Ban hành Quyết định thành lập Ban tổ chức thực hiện nhiệm vụ diễn tập, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban tổ chức. Chỉ đạo thực hiện, khảo sát thao trường, xây dựng phương án bắn chiến đấu trong diễn KVPT thông qua Bộ CHQS tỉnh. Làm tốt công tác xây dựng lực lượng, tổ chức Lễ giao nhận quân 60 công dân bảo đảm nghiêm túc, đúng quy định an toàn tuyệt đối (*Quân sự: 35 công dân; Công an: 25 công dân.*) Chỉ đạo thực hiện triển khai 07/07 xã, phường, 02 Ban CHQS Tự vệ, 18 tiểu đội Tự vệ tổ chức huấn luyện DQTV theo kế hoạch đề ra.

Tăng cường công tác nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên Đán. Làm tốt công tác quản lý cư trú, nắm người, nắm hộ; tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính về dân cư.⁽¹⁷⁾

Quan hệ đối ngoại, hợp tác hữu nghị giữa thành phố Lai Châu với huyện Mường Xay, tỉnh U Đom Xay, nước CHDCND Lào được tiếp tục củng cố và tăng cường. Duy trì hoạt động kết nghĩa với thành phố Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên và huyện Phong Thổ.

12. Công tác thanh tra, giải quyết đơn thư, phòng chống tham nhũng

UBND thành phố đã ban hành 02 Quyết định thực hiện thanh tra tại 02 đơn vị, hiện nay đang trong quá trình triển khai thực hiện⁽¹⁸⁾. Chỉ đạo thực hiện nghiêm việc tiếp công dân theo đúng quy định, trong 6 tháng đầu năm đã tiếp tổng số 22 lượt người với 22 vụ việc, qua công tác tiếp công dân các kiến nghị, phản ánh của công

⁽¹⁷⁾ Tội phạm về hình sự: 01 vụ trộm cắp tài sản; Tội phạm ma túy: Phát hiện, bắt 05 vụ, 05 đối tượng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 0,74gram heroin và 1,22gram ma túy tổng hợp; khởi tố 03 vụ, 03 bị can. Tội phạm về kinh tế: Phối hợp kiểm tra phát hiện 04 vụ với 04 đối tượng, Công an thành phố xử phạt VPHC 03 vụ, tổng số tiền phạt là 3.250.000 đồng; bàn giao Đội QLTT số 2 xử phạt VPHC 2.000.000 đồng. Vi phạm về môi trường: Phối hợp tuần tra, kiểm tra lập BBVPHC đối với 05 vụ với 05 đối tượng, ban giao các cơ quan, đơn vị có liên quan xử phạt VPHC với tổng số tiền 22.000.000 đồng. Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông: Xảy ra 02 vụ va chạm giao thông, làm 02 người bị thương; Lập BBVP 158 trường hợp, tạm giữ 53 phương tiện, 97 giấy tờ, phạt VPHC đối với 159 trường hợp, nộp KBNN 276.275.000 đồng và tước giấy phép lái xe 51 trường hợp.

⁽¹⁸⁾ Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lai Châu v/v thanh tra việc quản lý và sử dụng ngân sách tại phòng Nội vụ thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu và Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Lai Châu v/v thanh tra đột xuất việc quản lý và sử dụng chi phí quản lý các dự án đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án thành phố Lai Châu.

dân đã được các cấp có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và được chỉ đạo giải quyết theo quy định.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, kết quả: Đã tiếp nhận 56 đơn = 56 vụ việc, trong đó: đơn đủ điều kiện thụ lý giải quyết 54/56 đơn (*gồm: 01 đơn tố cáo; 53 đơn kiến nghị, phản ánh*); đơn không đủ điều kiện thụ lý giải quyết 02/56 đơn; đã giải quyết là 41/54 đơn; đang giải quyết là 13/54 đơn.

Công tác phòng chống tham nhũng tiếp tục được quan chỉ đạo thực hiện, thường xuyên quán triệt chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước trong hoạt động chi tiêu tài chính, ngân sách, tránh lãng phí. Chỉ đạo thực hiện kê khai tài sản, thu nhập hàng năm và kê khai bổ sung tại 53 cơ quan, đơn vị với 254 người/254 bản kê khai theo quy định.

13. Công tác tư pháp

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch cho Nhân dân đảm bảo đúng quy định⁽¹⁹⁾; Công tác theo dõi thi hành pháp luật, quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được quan tâm chỉ đạo thực hiện⁽²⁰⁾, trong 6 tháng đầu năm UBND thành phố đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 12 trường hợp, với số tiền phạt là 180 triệu đồng về các lĩnh vực: Đất đai, Y tế. Ban hành Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật năm 2022, chỉ đạo và thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật⁽²¹⁾.

14. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác 2022, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ; thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển công tác, các chế độ, chính sách đối với cán bộ, CCVC theo quy định⁽²²⁾. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng và tổ giúp việc

⁽¹⁹⁾ Tổng số việc chứng thực: 2.991 trường hợp = 8.945 bản = 32.662.000 đồng. (Trong đó: Chứng thực tại phòng Tư pháp 134 trường hợp = 297 bản = 1.336.000 đồng; UBND các xã, phường: 2.857 trường hợp = 8.647 bản = 31.326.000 đồng); Thực hiện cấp đăng ký khai sinh cho 298 trường hợp, đăng ký kết hôn cho 79 cặp; khai tử cho 52 trường hợp.

⁽²⁰⁾ Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Kế hoạch công tác quản lý thi hành pháp luật về XLVPHC năm 2022; Kế hoạch thực hiện kết luận số 17/KL-ĐKTLN ngày 06/01/2022 của Đoàn kiểm tra liên ngành tỉnh về kiểm tra công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố;

⁽²¹⁾ Chỉ đạo phòng Tư pháp thành phố thực hiện: Tham mưu cho UBND thành phố ban hành báo cáo kết quả thực hiện đánh giá cấp xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021; Quyết định công nhận các xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021; Kế hoạch thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn thành phố. Tổ chức tuyên truyền 21 buổi với 707 lượt người tham gia; tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh được 82 buổi.

⁽²²⁾ Chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP đối với 01 người; Thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 08 viên chức, trong đó: Bổ nhiệm 02 viên chức (*01 Phó Giám đốc, 01 Phó Hiệu trưởng trường học*); bổ nhiệm lại 06 viên chức (*04 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng*). Quyết định công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non tư thục Babystar. Quyết định điều động công tác đối với 01 công chức; biệt phái đối với 04 công chức, viên chức (*01 công chức từ phường lên phòng chuyên môn thuộc thành phố, 03 viên chức*); bổ trí sắp xếp viên chức kế toán, văn thư tại các đơn vị trường học đối với 06 viên chức; chuyển đổi 01 công chức xét tuyển từ cấp xã thành công chức thành phố; nhất trí tiếp nhận 03 giáo viên, 01 công chức cấp xã; thực hiện tiếp nhận, bổ trí công tác đối với 01 giáo viên. Ban hành công văn nhất trí điều động và giới thiệu ứng cử chức danh phó Chủ tịch UBND xã San Thàng nhiệm kỳ 2021-2026; công văn nhất trí tiếp nhận và bổ nhiệm chức danh Giám đốc Ban Quản lý dự án thành phố; thông báo nghỉ hưu 02 viên chức, quyết định nghỉ hưu 03 viên chức (*sự nghiệp GD&ĐT*); đề xuất phương án sắp xếp các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố; tham mưu trình thường trực Thành ủy giới thiệu nhân sự ứng cử bầu giữ chức vụ phó Chủ tịch HĐND phường Đoàn Kết.

Hội đồng xử lý, khắc phục sai phạm trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức theo Kết luận 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư.

Chỉ đạo thực hiện và làm tốt công tác xây dựng chính quyền cơ sở, công tác tuyển dụng, miễn nhiệm, tiếp nhận, công chức cấp xã. Chỉ đạo phòng Nội vụ phối hợp với UBND phường Đông Phong xây dựng đề án chia tách tổ dân phố. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng cho các tập thể, cá nhân năm 2021⁽²³⁾.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, thực hiện nghiêm túc việc cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Thành phố. Chỉ đạo xây dựng ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ giải pháp cải thiện nâng cao chất lượng chỉ số CCHC trên địa bàn thành phố năm 2022.

II. ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2022

(1) Thu nhập bình quân đầu người ước thực hiện cả năm đạt 56 triệu đồng/người/năm.

(2) Thu ngân sách trên địa bàn thực hiện 6 tháng đạt 56,136 tỷ đồng, đạt 30% kế hoạch. Ước thực hiện cả năm đạt 186 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

(3) Giá trị sản xuất bình quân trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 41 triệu đồng, đạt 40% kế hoạch; Ước thực hiện cả năm đạt 103 triệu đồng, đạt 101% kế hoạch.

(4) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên thực hiện 6 tháng đạt 9,94%/năm, đạt 112% kế hoạch, ước thực hiện cả năm đạt 11,1%, đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thực hiện 6 tháng và cả năm ước đạt 10,2%, đạt 100% kế hoạch. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước thực hiện 6 tháng và cả năm đạt 91%, đạt 100% kế hoạch.

(5) Tỷ lệ các trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 76,7%, đạt 96% kế hoạch; Ước thực hiện cả năm đạt 80%, đạt 100% KH. Tỷ lệ các trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 43,3%, đạt 81% kế hoạch; Ước thực hiện cả năm đạt trên 53,3%, đạt 100% kế hoạch.

(6) Tạo việc làm cho lao động thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 588 người, đạt 64% kế hoạch; Ước thực hiện cả năm đạt 920 người đạt 100% kế hoạch. Đào tạo nghề cho lao động thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 150 người, đạt 43% KH, ước thực hiện cả năm đạt 350 người, đạt 100% kế hoạch. Tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn thực hiện 6 tháng đạt 84,4%, đạt 99,8% kế hoạch, Ước cả năm đạt 84,5%, đạt 100% kế hoạch.

(7) Ước cả năm: Trên 96% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”; trên 98% số bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “bản, tổ dân phố văn hóa”; 98,1% số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn

⁽²³⁾ Quyết định công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến: 34 tập thể, 222 cá nhân, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 43 cá nhân; tặng Giấy khen 52 tập thể, 259 cá nhân.

hóa”; 64,9% tuyến phố đạt tuyến phố văn minh; duy trì và nâng cao chất lượng các phường đạt chuẩn văn minh đô thị, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

(8) 100% dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó: 100% dân cư thành thị, 85% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 100% chất thải rắn đô thị được thu gom; 100% chất thải rắn y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM

1. Phát triển thương mại và dịch vụ du lịch

Nhằm cụ thể hóa nội dung nội dung Nghị quyết số 01 -NQ/ThU ngày 22/9/2020 của BCH Đảng bộ thành phố Lai Châu; Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND thành phố Lai Châu và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, UBND thành phố đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Kế hoạch 366/KH-UBND 28/02/2022 về hoạch phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2022 để chỉ đạo tổ chức thực hiện. Huy động, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ, phát huy hiệu quả khai thác các cơ sở hạ tầng hiện có cho phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố.

Công tác thông tin, quảng bá xúc tiến du lịch, nhất là qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet được đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện như: Đăng tin, bài trên chuyên mục du lịch - Trang thông tin điện tử thành phố, trên các trang mạng xã hội; tuyên truyền qua Trang truyền hình tỉnh, hệ thống loa truyền thanh không dây.

Duy trì tổ chức tốt hoạt động chợ phiên - chợ đêm San Thàng gắn với phát triển du lịch và mua sắm, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú, nhà hàng, các điểm du lịch trên địa bàn nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch Covid-19. Tuyên truyền, hỗ trợ các đội văn nghệ dân tộc trên địa bàn duy trì hoạt động, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Từng bước đa dạng hóa các sản phẩm du lịch như: Chè, gạo tẻ râu, rượu ngô, các sản phẩm dệt thổ cẩm ...

Trước diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố đã được kiểm soát, số ca bệnh giảm dần, Nhân dân đã dần thích ứng linh hoạt. Hoạt động thương mại, dịch vụ du lịch đã từng bước có những chuyển biến tích cực, lượng khách du lịch đến tham quan trải nghiệm, mua sắm trên địa bàn đạt 64.714 lượt người, tăng 77% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 64% kế hoạch. Doanh thu từ dịch vụ lưu trú, ăn uống và tiêu dùng ước đạt 85,3 tỷ đồng, đạt 49% kế hoạch, doanh thu từ hoạt động du lịch đạt khá, ước thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 76,6 tỷ đồng, đạt 57% kế hoạch.

2. Chương trình xây dựng khu dân cư tự quản, phát triển toàn diện

Để tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 627/KH-UBND ngày 22/3/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc xây dựng tổ dân phố bản tự quản, phát triển toàn diện giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tình hình thực tế tại địa

phương, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 28/02/2022 về xây dựng tổ dân phố, bản tự quản, phát triển toàn diện năm 2022, mục tiêu của của Kế hoạch là tiếp tục duy trì 08 tổ dân phố, bản đã đạt trong năm 2021 và phấn đấu 03 tổ dân phố đạt các tiêu chuẩn, tiêu chí tự quản, phát triển toàn diện trong năm 2022.⁽²⁴⁾

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Kinh tế tiếp tục được phục hồi sau đại dịch Covid-19 và đạt được những kết quả quan trọng, một số chỉ tiêu kinh tế tăng so với cùng kỳ năm trước: Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.800 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ, đạt 52 % kế hoạch giao; Lượng khách du lịch đến địa bàn có chiều hướng tăng, doanh thu từ dịch vụ du lịch ước đạt 76,6 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ và đạt 57% kế hoạch; Tổng giá trị SXCN và TTCN lũy kế ước TH đạt 235 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ và đạt 43% kế hoạch giao. Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 192 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ đạt 46% kế hoạch...

Công tác đầu tư, quy hoạch và chỉnh trang đô thị, quản lý trồng và chăm sóc cây xanh tiếp tục được chú trọng thực hiện góp phần thay đổi diện mạo đô thị, từng bước xây dựng thành phố Lai Châu theo các tiêu chí đô thị loại II.

Lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được quan tâm và triển khai có hiệu quả. Đã tổ chức cho nhân dân đón tết Nguyên đán Nhâm Dần đảm bảo an toàn, vui tươi, ấm cúng. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền Tuần du lịch – văn hóa Lai Châu năm 2022 đảm bảo theo Kế hoạch của tỉnh đề ra. Các hoạt động tuyên truyền đưa Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được quan tâm chỉ đạo thực hiện, trong đó, trọng tâm là tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IV, tuyên truyền các chủ trương, biện pháp và các quy định của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng chống dịch Covid – 19 được tăng cường chỉ đạo thực hiện. Triển khai kịp thời các hoạt động chăm lo đời sống, vật chất, tinh thần cho nhân dân, các hoạt động thực hiện chính sách an sinh xã hội được quan tâm chỉ đạo thực hiện...

Công tác giải quyết, đơn thư, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của người dân được quan tâm, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt, đúng quy định. Công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính được chú trọng thực hiện và đạt hiệu quả tích cực. Công tác Quốc phòng - An ninh tiếp tục được giữ vững, duy trì ổn định.

2. Những tồn tại hạn chế

⁽²⁴⁾ 08 tổ dân phố, bản tiếp tục duy trì đạt trong năm 2022 bao gồm: Phường Tân Phong (Tổ 16 và tổ 05); Phường Quyết Thắng (Tổ 9); Phường Đoàn Kết (Tổ 01, Tổ 02); Phường Đông Phong (Tổ 25); Xã San Thàng (Bản Xéo Sin Chải); xã Sùng Phài (Bản Sùng Chô). 03 Tổ dân phố bản đăng ký thực hiện năm 2022 bao gồm: Phường Tân Phong (Tổ 08); Phường Đoàn Kết (Tổ 5); Phường Quyết Tiến (Tổ 7).

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu giảm so với cùng kỳ, đạt thấp như: Thu ngân sách trên địa bàn đạt 30% so với kế hoạch giao; số lao động được đào tạo nghề /năm đạt 43% so với kế hoạch giao; số lao động xuất khẩu trong năm mới đạt 25%...

- Tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công còn chậm. Công tác giải quyết vướng mắc trong GPMB tại một số dự án còn vẫn còn kéo dài, chưa được giải quyết dứt điểm.

- Công tác quản lý trật tự đô thị vẫn có mặt còn hạn chế: tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường của người dân vẫn còn xảy ra tại một số khu vực chợ trên địa bàn. Tình trạng thả rông gia súc, động vật nuôi xảy ra tại một số tuyến phố, khu vực công cộng gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông và môi trường.

- Việc tổ chức triển khai trồng mới Chè tại xã Sùng Phài còn chậm.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Những tháng đầu năm do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến toàn diện các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố.

+ Do thời tiết diễn biến thất thường, mưa sớm, kéo dài nên đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiến độ thi công các dự án và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.

+ Do cơ chế chính sách về đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng không ổn định, thường xuyên thay đổi, có nội dung quy định chưa phù hợp với thực tế có nhiều cách hiểu khác nhau nên khi áp dụng vào thực hiện còn gặp khó khăn vướng mắc.

+ Giá cả nguyên, nhiên vật liệu xây dựng, vật tư phân bón sản xuất nông nghiệp có xu hướng tăng cao, không ổn định đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc huy động nguồn lực tài chính của nhà thầu khi thực hiện dự án và sản xuất nông nghiệp của người dân.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Trách nhiệm, năng lực của một số cán bộ làm công tác tham mưu ở một số cơ quan, đơn vị còn có mặt hạn chế. Một số công trình, dự án còn vướng mắc trong công tác bồi thường GPMB; việc rà soát trình tự, thủ tục đầu tư đối với một số công trình KCM còn chưa đảm bảo nên ảnh hưởng đến việc phê duyệt triển khai dự án.

+ Việc triển khai dự án tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất còn chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ và tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

+ Công tác tuyên truyền về chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng có thời điểm còn hạn chế, người dân còn chưa đồng thuận với phương án đền bù giải phóng mặt bằng của nhà nước nên đã ảnh hưởng đến việc bàn giao mặt bằng để thi công, thực hiện dự án.

+ Chỉ tiêu xuất khẩu lao động đạt thấp do chất lượng nguồn lao động xuất khẩu chưa đáp ứng được yêu cầu của chủ sử dụng lao động tại nước ngoài, còn hạn chế về ngoại ngữ, sức khỏe... đồng thời việc đưa lao động đi xuất khẩu thường phải

thực hiện qua nhiều khâu, nhiều bộ, ngành nên không chủ động được về mặt thời gian nên ảnh hưởng đến tỷ lệ lao động xuất khẩu tại địa phương.

+ Công tác tuyên truyền việc thực hiện quy chế quản lý đô thị có thời điểm chưa thường xuyên, chế tài xử phạt chưa được áp dụng mạnh mẽ nên tình trạng thả rông gia súc của người dân vẫn còn xảy ra

+ Việc rà soát lao động có nhu cầu đào tạo nghề có thời điểm còn hạn chế do người lao động còn sắp xếp thời gian, lựa chọn các lớp đào tạo nghề phù hợp với trình độ, năng lực và khả năng đáp ứng vào thực tế sau khi được đào tạo nghề... nên đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đào tạo nghề cho lao động.

+ Công tác tuyên truyền vận động nhân dân và việc rà soát đất trồng chè, khảo sát nhu cầu của người dân đăng ký trồng chè tại xã Sùng Phài còn chậm.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

Dự báo việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng cuối năm vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như dịch bệnh còn tiềm ẩn diễn biến phức tạp; thời tiết, khí hậu tiếp tục diễn biến khó lường, bắt đầu mùa mưa bão có khả năng ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội; giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào tăng cao ảnh hưởng đến chi phí sản xuất. Để đạt được mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 theo kế hoạch đã giao, các cơ quan phòng ban, đơn vị và UBND các xã, phường phải theo dõi, bám sát diễn biến tình hình, phân tích, dự báo, kịp thời đề xuất các giải pháp phù hợp, nỗ lực tối đa, phấn đấu với quyết tâm cao nhất, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vượt qua thách thức, tận dụng mọi cơ hội để phát triển; quyết liệt hơn nữa trong công tác chỉ đạo, điều hành, trong đó cần tập trung thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

1. Tiếp tục bám sát chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của Thành ủy, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra trong kế hoạch của thành phố về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Tập trung rà soát các chỉ tiêu còn đạt thấp trong 6 tháng đầu năm, các chỉ tiêu dự kiến khó đạt trong năm 2022 để có các giải pháp cụ thể tập trung chỉ đạo, điều hành trong thời gian tới, quyết tâm và phấn đấu đạt và vượt kế hoạch đề ra.

2. Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, kinh doanh

Chỉ đạo tiếp tục tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch của Ủy ban Nhân dân thành phố về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ, các Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân thành phố; Tập trung, nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã khôi phục phát triển sản xuất với quyết tâm vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phục hồi và phát triển kinh tế.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện sản xuất nông nghiệp theo Kế hoạch, triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp. Triển khai hiệu quả Chương trình OCOP. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, tiếp tục phát triển các loại hình du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, khai thác hiệu quả các điểm du lịch đã được đầu tư. Tiếp tục thực hiện chương trình kích cầu du lịch do Hiệp hội Du lịch Việt Nam phát động.

3. Về đầu tư nguồn ngân sách nhà nước và thu chi ngân sách

Thực hiện nghiêm túc việc quản lý đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đầu thầu và các văn bản hướng dẫn liên quan. Chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý đầu tư, giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thẩm định dự toán, thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu; đẩy mạnh công tác thu hồi vốn ứng, thu hồi theo kết luận của thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Tập trung quyết toán các dự án hoàn thành. Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án tạo quỹ đất, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo Kế hoạch. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác BT, HT, TĐC các dự án.

Tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; rà soát, phân tích làm rõ nguyên nhân từng sắc thuế, từng chỉ tiêu thu còn đạt thấp để có biện pháp khắc phục; theo dõi chặt chẽ, kịp thời và tổ chức thu triệt để các khoản thu ngân sách vào nhà nước, phấn đấu đạt kế hoạch giao.

Điều hành ngân sách hiệu quả, tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí NSNN, tiết kiệm chi thường xuyên, dành nguồn lực cho đầu tư phát triển, thực hiện đầy đủ kịp thời các chính sách an sinh xã hội, các chính sách đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính trên lĩnh vực đầu tư, thu, chi NSNN; thực hiện tốt Chương trình phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và sử dụng ngân sách.

4. Quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án trọng điểm của thành phố

Đẩy mạnh việc thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022, đảm bảo đáp ứng đủ nguồn vốn cho các dự án và triển khai xây dựng đảm bảo tiến độ các dự án trọng điểm; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án trên địa bàn thành phố. Đôn đốc các chủ đầu tư nêu cao tinh thần trách nhiệm, báo cáo kịp thời các khó khăn, vướng mắc để lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời; kiên quyết xử lý trách nhiệm của các chủ đầu tư, các nhà thầu không đảm bảo theo yêu cầu, thực hiện cắt giảm, ưu tiên vốn cho các dự án có khả năng giải ngân cao, phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao.

5. Thực hiện tốt các chương trình giáo dục - đào tạo, đảm bảo an sinh, xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân; công tác thông tin và truyền thông

Chuẩn bị tốt các điều kiện cho năm học 2022-2023, thực hiện tốt công tác bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên đảm bảo đạt chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019; tổ chức công tác tuyển sinh và chuẩn bị tốt các điều kiện, kế

hoạch khai giảng năm học mới 2022-2023 đảm bảo theo kế hoạch của Trung ương, của tỉnh. Nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia, tiếp tục thực hiện Kế hoạch xây dựng trường chuẩn Quốc gia đối với các trường chưa đạt chuẩn. Phối hợp tổ chức tốt kỳ thi THPT Quốc gia năm 2022.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, tạo chuyển biến tích cực về tinh thần thái độ phục vụ người bệnh của nhân viên y tế. Đẩy mạnh công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, các hoạt động tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về vệ sinh an toàn thực phẩm. Duy trì và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn thành phố.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ, ngày kỷ niệm trọng đại của đất nước, của tỉnh, xây dựng các chuyên mục tuyên truyền, cách thức tuyên truyền phù hợp đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận và thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Thường xuyên rà soát nắm tình hình trên không gian mạng và các phương tiện truyền thông; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng, chủ động cung cấp thông tin chuẩn xác, công khai góp phần định hướng dư luận, phản bác các thông tin tiêu cực, không đúng sự thật.

6. Tăng cường quản lý, chỉnh trang, phát triển đô thị; bảo vệ tài nguyên môi trường

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 09 của Ban Thường vụ Thành ủy, Kế hoạch của UBND thành phố về công tác quản lý đất đai, quy hoạch, xây dựng, đô thị. Tiếp tục tuyên truyền, vận động Nhân dân triển khai thực hiện tốt các nội dung “*Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thành phố*”, “*Quy chế quản lý đô thị thành phố*”. Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự đô thị, ATGT; cấp phép xây dựng; quản lý trật tự trong xây dựng, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng. Thực hiện tốt công tác trồng, quản lý, chăm sóc cây xanh đô thị, chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố.

Tiếp tục chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn; UBND các xã, phường phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ngành liên quan trong việc lập, hoàn thiện “*Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu và thành phố Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*” đảm bảo chất lượng, tiến độ theo quy định.

Chỉ đạo tham mưu thực hiện việc cấp GCNQSD đất lần đầu, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, giao đất cho các tổ chức, cá nhân theo quy định. Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước đối với diện tích đất dôi dư trên địa bàn; tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, hướng dẫn Nhân dân đăng ký mua đất dôi dư theo quy định.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hoạt động khai thác tài nguyên, môi trường, gắn quy hoạch phát triển đô thị với bảo vệ môi trường sinh thái. Theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn để có biện pháp chủ động ứng phó với biến

đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, nâng cao khả năng phòng tránh, ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra.

7. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân, hạn chế tối đa khiếu kiện đông người, vượt cấp; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, đôn đốc, giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng.

Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo kế hoạch đã ban hành, chỉ thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật.

Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch công tác Tư pháp năm 2023. Triển khai kịp thời các văn bản pháp luật mới được ban hành; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở. Triển khai kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

8. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Tiếp tục thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tập trung thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính, đặc biệt là đổi mới và nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đảm bảo sự công khai, minh bạch tạo thuận lợi tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ.

Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ. Xây dựng đội ngũ CBCCVC có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực công tác, có tính chuyên nghiệp cao, có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy phục vụ Nhân dân. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ. Xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức vi phạm các quy định trong khi thi hành công vụ.

9. Tăng cường quốc phòng - an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh. Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Diễn tập khu vực phòng thủ thành phố năm 2022 đảm bảo an toàn tuyệt đối. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của kẻ thù, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; bảo vệ vững chắc chính trị nội bộ, bảo đảm an toàn trong các

ngày lễ, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh, thành phố. Đấu tranh, trấn áp, kiềm chế các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật về an ninh trật tự, thực hiện quyết liệt các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông.

Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại và hợp tác phát triển với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Nâng cao hiệu quả quan hệ hợp tác hữu nghị giữa thành phố Lai Châu với huyện Mường Xay, tỉnh U Đom Xay nước Cộng hòa DCND Lào. Tiếp tục duy trì hoạt động kết nghĩa với các đơn vị theo Chương trình đã được ký kết.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 UBND thành phố Lai Châu báo cáo kỳ họp HĐND thành phố./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (B/c)
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh; (B/c)
- TT. Thành ủy (B/c);
- TT. HĐND thành phố (B/c);
- TT. UBND, Ủy ban MTTQ thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Trang thông tin, điện tử thành phố;
- Lưu: VT, VP.

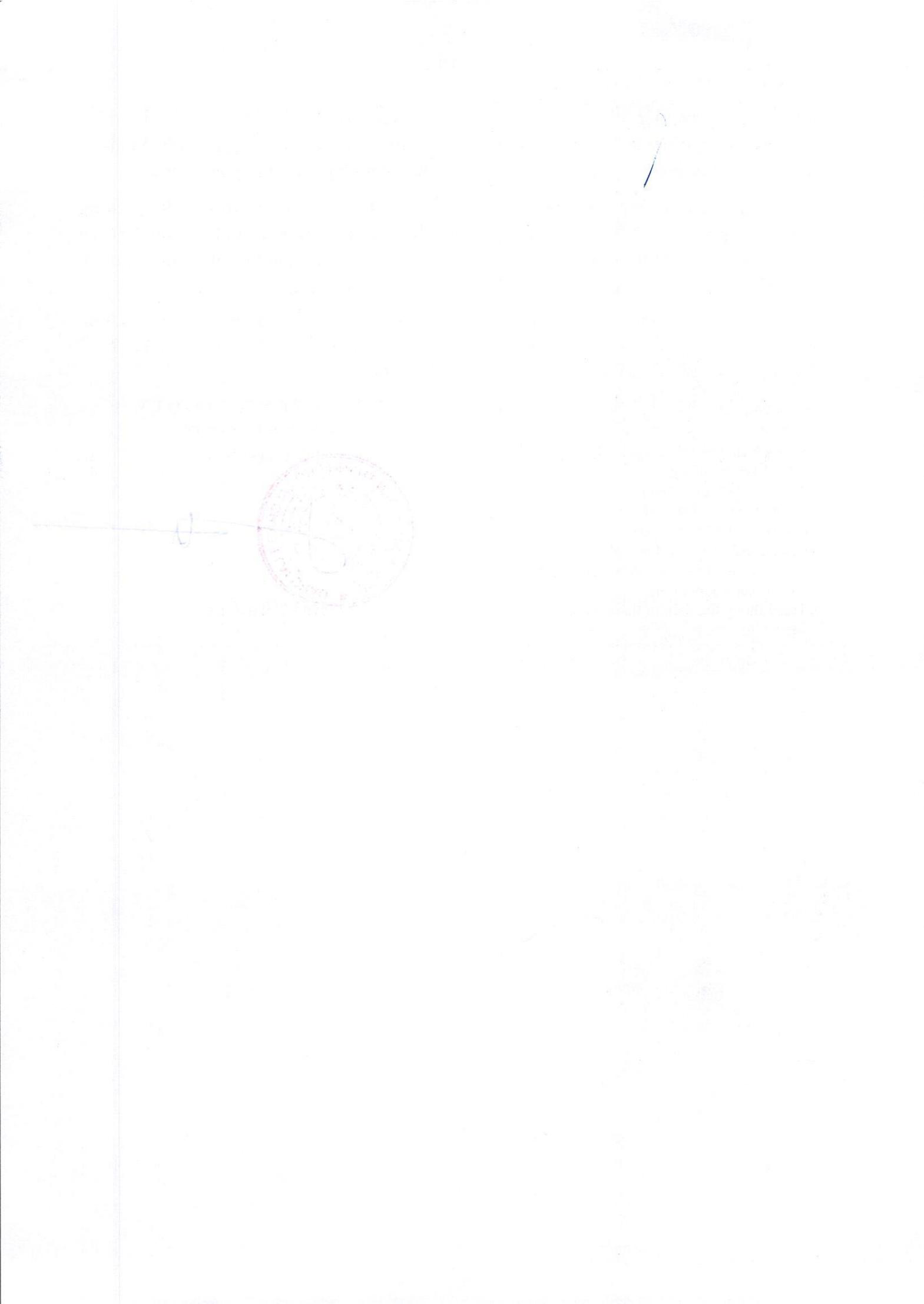
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam



MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KÉ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM - UỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 16/BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Năm 2022			So sánh %			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Uớc thực hiện 6 tháng	Uớc thực hiện cả năm	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Uớc thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
I	CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ									
1	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu đồng		56		56			100	
2	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	70,46	186	56,136	186	80	30	100	
3	Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Tr.đ/ha/năm	38	102	41	103	107	40	101	
II	CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI									
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	5,9	11,1	9,94	11,1	59	112	100	
4	Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng	%	10,7	10,2	10,2	10,2	105	100	100	
	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	87	91	91	91	105	100	100	
5	Tỷ lệ các trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I	%	79,3	80	76,7	80	97	96	100	
	Tỷ lệ các trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II	%	41	53,3	43,3	53,3	106	81	100	
	Số lao động được tạo việc làm mới/năm	Người	440	920	588	920	134	64	100	
6	Số lao động được đào tạo nghề/năm	Người	90	350	150	350	167	43	100	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn so với tổng số LD có khả năng LD (lũy kế)	%	84	84,5	84,4	84,5	100	99,8	100	
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		96		96			100	
	Tỷ lệ bản, tờ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		98,6		98,6			100	
7	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	98,1	98,1		98,1			100	
	Tỷ lệ các tuyến phố đạt tuyến phố văn minh	%	57,3	64,9		64,9			100	
	Tỷ lệ phường đạt chuẩn văn minh đô thị	%	40	40	40	40	100	100	100	
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	%	50	50	50	50	100	100	100	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Năm 2022			So sánh %			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
III	CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG									
	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100	100	100	
	Trong đó: + Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	100	100	100	100	100	100	100	
8	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch	%	85	85	85	85	100	100	100	
	Tỷ lệ chất thải đô thị được thu gom	%	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	100	100	100	

Biểu số 2

**CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN VỀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM
- ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022**

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
A	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT (GIÁ HIỆN HÀNH)	Tỷ đồng	184	420	192	428	105	46	102	
	- Nông nghiệp	„	164,7	387	171,4	395,4	104	44	102	
	Trong đó: + Trồng trọt	„	89,9	251,7	96	259,9	107	38	103	
	+ Chăn nuôi	„	67,7	121,5	68,1	121,5	101	56	100	
	+ Dịch vụ NN	„	7,0	14	7,0	14	100	50	100	
	- Lâm nghiệp	„	4,9	6,5	4,9	6,5	100	75	100	
	- Thủy sản	„	14,6	26,6	16,1	26,6	110	61	100	
B	NÔNG NGHIỆP									
	- Tổng diện tích đất nông nghiệp canh tác	Ha	2.754,9	2.731,1	2.754,7	2.779,2	100	101	102	
	- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất trồng trọt và nôi trồng thủy sản	Tr.đ/ha/năm	38,0	102	40,8	103	107	40	101	
	- Giá trị sản xuất vùng chuyên canh tập trung	Tr.đ/ha/năm		222		222			100	
	- Tổng diện tích gieo trồng	Ha	2.851,2	3.473	2.849	3.541	100	82	102	
	- Tổng diện tích sản xuất tảo vụ	Ha	96,3	741,8	95	762,3	98	13	103	
I	Sản lượng lương thực									
	- Tổng SLLT có hạt	Tấn	268,1	8.744	306	8.744	114	3	100	37
	Trong đó: - Thóc	Tấn	31,5	2.793,1	25	2.793	79	1	100	
	- Riêng thóc ruộng	Tấn	31,5	2.793,1	25	2.793	79	1	100	
	Cơ cấu thóc ruộng trong TSLLT	%	11,7	32	8	31,9	70	26	100	
1	Diện tích cây hàng năm	Ha	1.523,4	2.151	1.475	2.152	97	69	100	
a	Cây lương thực (Có hạt)									
	Diện tích	Ha	1.289	1.803	1.247	1.804	97	69	100	
	Sản lượng	Tấn	268,1	8.744	306	8.744	114	3	100	
+	Lúa mùa: Diện tích	Ha	527,1	523	523	523	99	100	100	
	Năng suất	Tạ/ha		53	-	53		-	100	
	Sản Lượng	Tấn		2.768	-	2.768		-	100	
+	Lúa chiêm xuân: Diện tích	Ha	6,3	5	5	5	79	100	100	
	Năng suất	Tạ/ha	50	50	50	50	100	100	100	
	Sản Lượng	Tấn	31,5	25	25	25	79	100	100	
	Trong đó: Diện tích lúa hàng hóa tập trung	Ha	342	342	342	342	100	100	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
	Năng suất	Tạ/ha		50,7	-	50,7		-	100	
	Sản Lượng	Tấn		1.735,6	-	1.735,6		-	100	
+	Cây ngũ: Diện tích	Ha	756,1	1.275	719	1.276	95	56	100	
	+ Vụ xuân sớm, xuân hè	Ha	756,1	738,9	719	719	95	97	97	
	+ Vụ thu đông	Ha		376,5	-	387		-	103	
	+ Vụ đông	Ha		160	-	170		-	106	
	Năng suất	Tạ/ha	3,1	46,7		46,6	-	-	100	
	+ Vụ xuân sớm, xuân hè	Tạ/ha	3,1	48,4		48,6	-	-	100	
	+ Vụ thu đông	Tạ/ha		47,1		47,1		-	100	
	+ Vụ đông	Tạ/ha		37,5		37,6		-	100	
	Sản Lượng	Tấn	236,6	5.950,5	281	5.951,2	119	5	100	
	+ Vụ xuân sớm, xuân hè	Tấn	236,6	3.576,1	281	3.490,6	119	8	98	
	+ Vụ thu đông	Tấn		1.773,8	-	1.822,0		-	103	
	+ Vụ đông	Tấn		600,6	-	638,6		-	106	
b	Cây màu									
	Diện tích	Ha	159	269	150	269	94	56	100	
	Sản lượng	Tấn	1.051	2.542	1.076	2.542	102	42	100	
+	Cây rau màu khác	Ha	120	218,3	122,5	218,3	102	56	100	
	- Diện tích rau chính	Ha	44	44	44	44	100	100	100	
	- Diện tích rau tăng vụ	Ha	76	174,3	78,5	174,3	103	45	100	
	- Năng suất	Tạ/ha	87,5	98,8	87,8	98,8	100	89	100	
	- Sản lượng	Tấn	1.050,6	2.158	1.076	2.158	102	50	100	
+	Cây khoai lang: Diện tích	Ha	39	51	27	51	69	53	100	
	Trong đó diện tích tăng vụ	Ha	14	26	11	26	79	42	100	
	Năng suất	Tạ/ha		147,9	-	147,9		-	100	
	Sản Lượng	Tấn		384,6	-	384,6		-	100	
c	Cây hoa	ha	75,0	78,7	78,7	78,7	105	100	100	
2	Cây công nghiệp	Ha	1.327,8	1.321,8	1.374	1.390	104	104	105	
a	Cây công nghiệp ngắn ngày	Ha	118,5	109,5	172	178	145	157	162	
-	Cây lạc: Diện tích	Ha	70	66	66	66	94	100	100	
	Năng suất	Tạ/ha		11	2	11		14	100	
	Sản lượng	Tấn		72,7	10,1	72,7		14	100	
-	Cây Đậu tương: Diện tích	Ha	34	29	23	29	68	79	100	
	Năng suất	Tạ/ha		9,5	-	9,5		-	100	
	Sản lượng	Tấn		27	-	27		-	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
-	Cây Mía: Diện tích	Ha	14,5	14,5	13,0	12,5	90	90	86	
	Năng suất	Tạ/ha		700	-	700		-	100	
	Sản lượng	Tấn		1.015	-	875		-	86	
-	Cây dong riêng: Diện tích	Ha			70	70				
	Năng suất	Tạ/ha			-	550				
	Sản lượng	Tấn			-	3.850				
b	Cây công nghiệp lâu năm	Ha	1.209	1.212,3	1.202,3	1.212,3	99	99	100	
-	Cây ăn quả	Ha	160,4	160,4	160,4	160,4	100	100	100	
	Sản lượng	Tấn		1.215	157	1.215		13	100	
-	Tổng diện tích chè	Ha	960	963	953	963	99	99	100	
	Trong đó: + Diện tích trồng mới	Ha		10	-	10		-	100	
	- Diện tích chè kinh doanh	Ha	903	940	940	940	104	100	100	
	- Diện tích chè trong giai đoạn kiến thiết cơ bản	Ha	56,7	23	13	23	23	57	100	
	Năng suất	Tạ/ha	55	116	55	115,9	99	47	100	
	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	4.963	10.883	5.131	10.892	103	47	100	
-	Diện tích cây mắc ca	ha	280,0	280,4	280,4	280,4	100	100	100	
	+ Diện tích trồng thuần	ha	88,9	88,9	88,9	88,9	100	100	100	
	+ Diện tích trồng xen chè	ha	191,5	191,5	191,5	191,5	100	100	100	
-	Diện tích Cây Thảo quả	Ha	32,9	32,9	32,9	32,9	100	100	100	
	Trong đó: DT hiện có (đã cho thu hoạch)	Ha	32,9	32,9	32,9	32,9	100	100	100	
	- Sản lượng	Tấn	16	16	-	16	-	-	100	
II	Chăn nuôi									
1	Tổng đàn gia súc (tính có mặt)	Con	15.253	18.516	15.644	18.545	103	84	100	
	Đàn trâu	Con	1.435	1.392	1.264	1.392	88	91	100	
	Đàn bò	Con	555	628	561	628	101	89	100	
	Đàn ngựa	Con	455	433	436	462	96	101	107	
	Đàn lợn	Con	12.038	15.200	12.588	15.200	105	83	100	
	Đàn dê	Con	770	863	795	863	103	92	100	
-	Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc (tính theo tổng đàn có mặt)	%								
2	Tổng đàn gia cầm									
	Đàn gia cầm	con	77.099	107.413	84.661	107.413	110	79	100	
	Đàn ong	Đàn	659	898	903	903	137	101	101	
3	Thịt hơi các loại	Tấn	1.278	2.381,8	1.336	2.382	105	56	100	
	Trong đó: Thịt lợn	Tấn	1.156	2.060	1.179	2.060	102	57	100	
C	THUỶ SẢN									

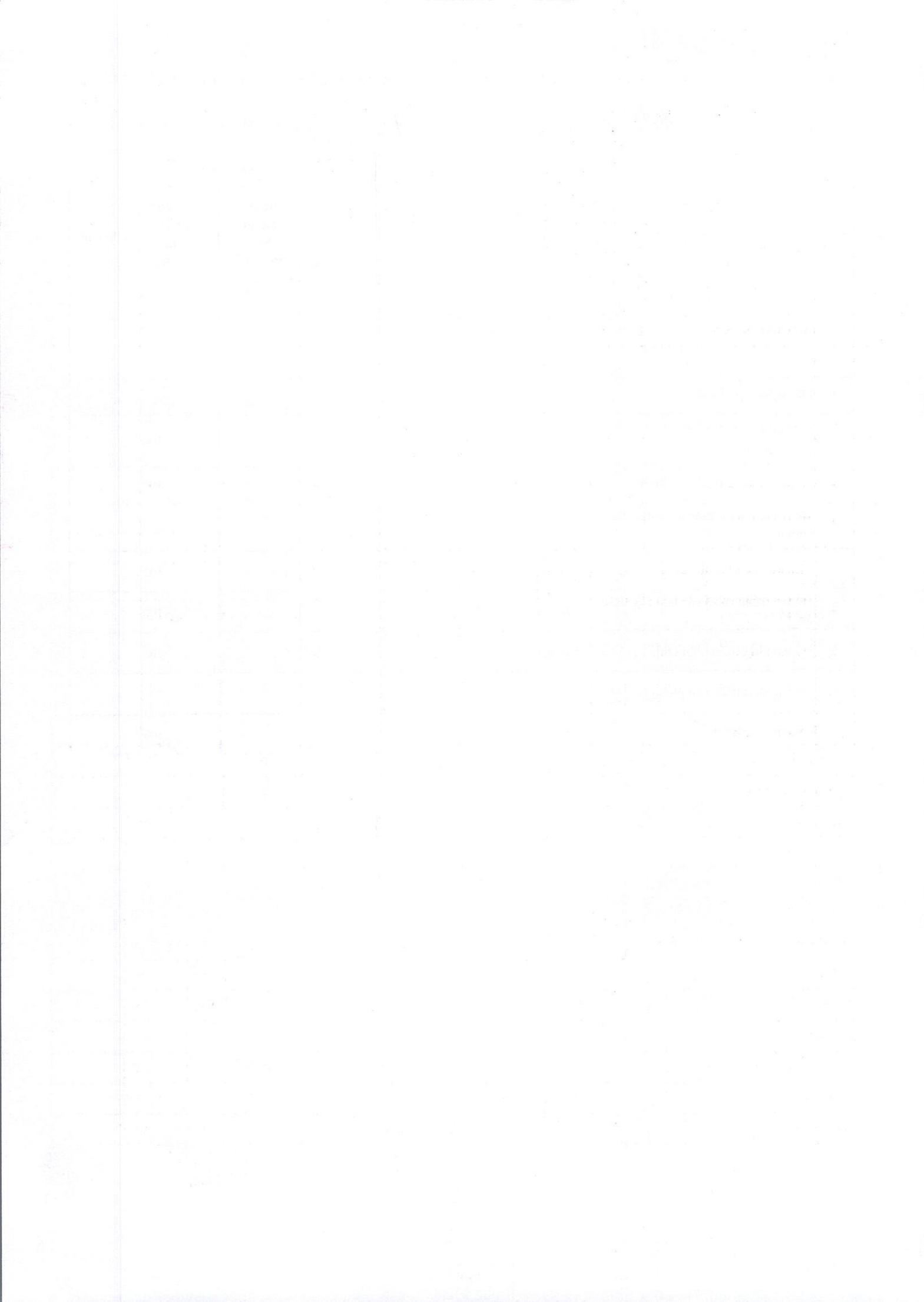
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
	DT nuôi trồng TS	Ha	119,8	118,7	118,7	118,7	99	100	100	
	Trong đó: + Diện tích ao	Ha	119,8	118,7	118,7	118,7	99	100	100	
	+ Năng suất	Tạ/ha	22	40,8	24,7	40,8	111	61	100	
	+ Sản lượng	Tấn	265,3	484	293	484	110	61	100	
D	LÂM NGHIỆP									
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	26,88	27,4	27,5	27,5	102	100,3	100	
2	Diện tích đất lâm nghiệp	Ha	3.030,9	3.071,9	3.064,5	3.064,5	101	100	100	
	Trong đó: - Tổng diện tích rừng hiện có	Ha	2.566,1	2.617,2	2.624,7	2.624,7	102	100	100	
	+ Rừng tự nhiên	Ha	2.395,1	2.436,1	2.441,5	2.441,5	102	100	100	
	+ Rừng trồng đã thành rừng	Ha	170,9	181,07	183,14	183,14	107	101	101	
	- Rừng trồng chưa thành rừng	Ha	110,99	105,87	97,14	97,14	88	92	92	
	- Đất không có rừng	Ha	353,90	348,87	342,68	342,68	97	98	98	
3	- Rừng cảnh quan đô thị (rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng)	Ha	37,6	37,64	39,41	39,41	105	105	105	
4	Khoanh nuôi bảo vệ tái sinh rừng	Ha	2.641	2.641	2.653,1	2.672,7	100	100	101	
	+ Khoán bảo vệ rừng	Ha	2.566,1	2.566	2.624,7	2.624,7	102	102	102	
	+ Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha	75	75	28,4	48,0	38	38	64	
E	PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN									
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100	100	100	
	- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100	100	100	
	- Thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về NTM	xã	2	2	2	2	100	100	100	
	+ Số xã đạt 19 tiêu chí (lũy kế)	xã	2	2	1	1	50	50	50	
	+ Bình quân tiêu chí trên xã	Tiêu chí/xã	17	19	16	17	94	84	89	

Biểu số 2b

**KẾ HOẠCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH 6 THÁNG
ĐẦU NĂM - ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022**

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

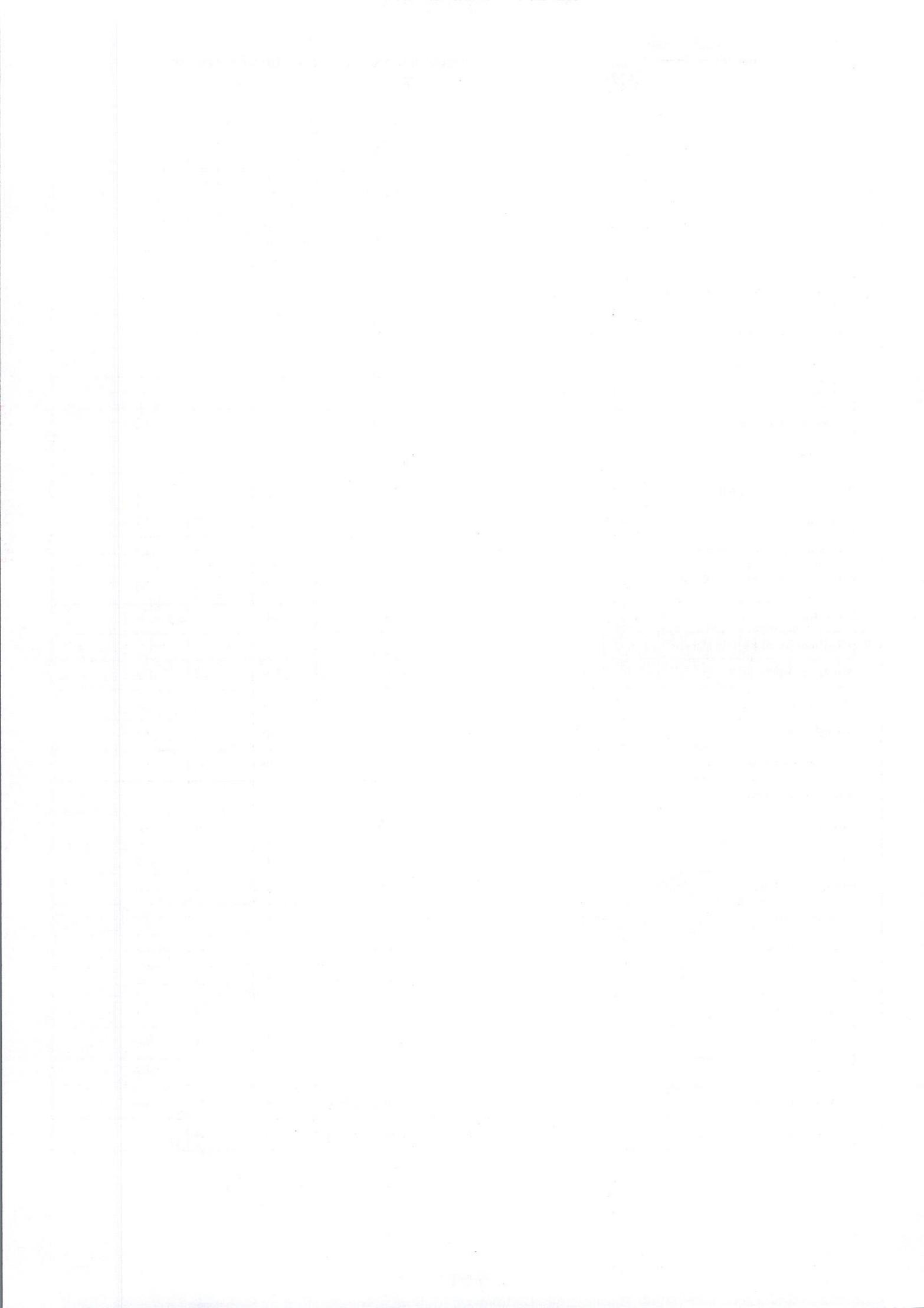
STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
			Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
I	HỖ TRỢ SẢN XUẤT THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 07/2021/NQ-HĐND TỈNH							
1	Hỗ trợ phát triển chè							
	- Hỗ trợ phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao	ha	10		10	-	100	
2	Hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi	m2	2.800		2.800	-	100	
3	Hỗ trợ làm hầm Biogas và đệm lót sinh học							
	- Hỗ trợ làm hầm Biogas	m3	360		360	-	100	
4	Hỗ trợ trồng cỏ và các loại cây thức ăn	ha	4		4	-	100	
5	Hỗ trợ phát triển nuôi Ong	Thùng	200		200	-	100	
6	Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP							
	- Sản phẩm OCOP	SP	8		8	-	100	



CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM - UỐC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Uống thực hiện 6 tháng	Uống thực hiện cả năm	Uống thực hiện 6 tháng 2022/Thực hiện 6 tháng năm 2021	Uống thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Uống thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
I	Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	203,57	547	235	563	116	43	103	
1	Phân theo thành phần kinh tế	Tỷ đồng	204	547	235	563	115	43	103	
	+ Quốc doanh Trung ương									
	+ Quốc doanh địa phương	Tỷ đồng	28,0	69,9	33,5	73,2	120	48	105	
	+ Khu vực ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	176	477	202	490,2	115	42	103	
	+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài									
2	Phân theo ngành công nghiệp	Tỷ đồng	204	547	235	563	115	43	103	
	- Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	7,00	9,0	4,2	9,5	60	47	106	
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	157	337	162	353	103	48	105	
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	15	18,9	11,04	20,64	74	58	109	
	- CN khác	Tỷ đồng	25	182	58	180	232	32	99	
II	Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu									
-	Sản xuất gạch thủ công	1000 v	4.412	7.545	3.350	7.562	76	44	100	
-	Đá xây dựng	1000 m3	38	49,8	22	50	58	44	100	
-	Sản xuất đồ gỗ	m3	586	1.016	472	1.030	81	46	101	
-	Gia công hàng may mặc	1000 BỘ	13	30	14	32	108	47	105	
-	Chăn đệm địa phương	Chiếc	320							
-	Sản xuất đồ sắt	m2	6.280	13.360	6.177	46.030	98	46	345	
-	Sản xuất khung nhôm kính	m2	6.629	12.935	5.916	13.300	89	46	103	
-	Sản xuất gạch Block	m2	6.800	13.200	7.205	13.350	106	55	101	
-	Cột điện bê tông	Cột	7.200	13.000	5.920	13.000	82	46	100	
-	Óng cống bê tông	Cái	3.900	5.000	2.617	5.000	67	52	100	
-	Chế biến chè khô	Tấn	1.016	2.996	1.348	3.006	133	45	100	
-	Sản xuất xi măng	Tấn	6.578	5.000	1.546	5.000	24	31	100	
-	Sản xuất bánh, bún phở	Tấn	378	656	290	664	77	44	101	
-	Sản xuất rượu địa phương	1000 L	214	354	161	362	75	45	102	
-	Nước máy sinh hoạt	1000 m3	2.260	2.870	1.434	2.949	63	50	103	
-	Sản xuất tấm lợp (tôn ép xốp)	m2	26.930	60.000	26.060	60.500	97	43	101	



CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM - ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
1	Tổng mức bán lẻ HH và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.553	3.453	1.800	3.454	116	52	100	
	- Phân theo ngành kinh tế	Tỷ đồng	1.553	3.453	1.800	3.454	116	52	100	
	+ Thương nghiệp (giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.175	3.280	1.714	3.281	146	52	100	
	+ Dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng	378	173	85,3	173	23	49	100	
	- Các mặt hàng chủ yếu									
	+ Xăng dầu	Tấn	7.625	17.298	8.749	17.384	115	51	100	
	Trong đó: Dầu hoả	Tấn	1,89	4,29	2,18	4,31	115	51	100	
	+ Muối lít	Tấn	5,23	11,76	5,88	11,82	112	50	101	
	+ Giống Nông nghiệp	Tấn	96	218,24	109,12	219,33	114	50	100	
	+ Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế	Triệu đồng	10,19	22,92	11,48	23,04	113	50	101	
	+ Giấy tờ	Tấn	66,2	150,9	75,5	151,7	114	50	100	
2	Khách sạn - nhà hàng - dịch vụ du lịch									
2.1	Mạng lưới									
	- Số Khách sạn	cái	20	24	21	24	105	88	100	
	Trong đó: KS 3 sao trở lên	cái	1	2	1	2	100	50	100	
	- Số phòng khách sạn	Phòng	723	752	723	752	100	96	100	
	Công suất sử dụng phòng	%	61	55	50	55	82	91	100	
	- Nhà hàng	cái	46	54	49	54	107	91	100	
2.2	Tổng lượt khách du lịch	lượt người	36.597	101.000	64.714	101.000	177	64	100	
	Trong đó:									
	- Khách quốc tế	lượt người	150	1.000	557	1.000	371	56	100	
	+ Trong đó số khách có lưu trú	lượt người	150	1.000	557	1.000	371	56	100	
	+ Ngày lưu trú/ khách quốc tế	ngày	1,9	1,9	1,9	1,9	100	100	100	
	+ Mức chi tiêu trong ngày/khách quốc tế	Triệu đồng	2	2	2	2	100	100	100	
	Trong đó: Mức chi tiêu/ khách không lưu trú	Triệu đồng	1	1	1	1	100	100	100	
	- Khách nội địa	lượt người	36.447	100.000	64.157	100.000	176	64	100	
	+ Trong đó số khách có lưu trú	lượt người	18.850	50.000	26.500	50.000	141	53	100	
	+ Ngày lưu trú/ khách nội địa	ngày	2,1	2,1	2,1	2,1	100	100	100	
	+ Mức chi tiêu trong ngày/khách nội địa	Triệu đồng	1	1	1	1	100	100	100	
	Trong đó: Mức chi tiêu/ khách không lưu trú	Triệu đồng	0,5	0,5	0,5	0,5	100	100	100	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
2.3	Doanh thu từ ngành du lịch	Tỷ đồng	49	133,8	76,6	133,8	156	57	100	
	+ Khách quốc tế	Tỷ đồng	0,57	3,8	2,1	3,8	371	56	100	
	+ Khách nội địa	Tỷ đồng	48,38	130	74	130	154	57	100	

Biểu số 5

CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VẬN TẢI 6 THÁNG ĐẦU NĂM - ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
			Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
A	B	C						
1	Vận tải hàng hoá							
1.1	K. lượng hàng hoá vận chuyển	1000 tấn	171,8	86,9	180,3	51	105	
	Trong đó:							
	- Quốc doanh	1000 tấn						
	- Ngoài quốc doanh	1000 tấn	171,8	86,9	180,3	51	105	
1.2	K. lượng hàng hoá luân chuyển	1000 T.km	6.527	3.263	6.886	50	106	
	Trong đó:							
	- Quốc doanh	1000 T.km						
	- Ngoài quốc doanh	1000 T.km	6.527	3.263	6.886	50	106	
2	Vận tải hành khách							
2.1	K. lượng hành khách vận chuyển	1000 hk	380	200	49	53	13	
	Trong đó:							
	- Quốc doanh	1000 hk						
	- Ngoài quốc doanh	1000 hk	380	200	419	53	110	
2.2	K. lượng hành khách luân chuyển	1000 hk.km	31.499	17.750	34.900	56	111	
	Trong đó:							
	- Quốc doanh	1000 hk.km						
	- Ngoài quốc doanh	1000 hk.km	31.499	17.750	34.900	56	111	

Biểu số 6

CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ - HỢP TÁC XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM - UỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Uớc thực hiện 6 tháng	Uớc thực hiện cả năm	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/Thực hiện 6 tháng năm 2021	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Uớc thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ										
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	47	44	53	56	113	120	127	
	Trong đó: thành lập mới	HTX		3	3	6		100	200	
2	Số HTX giải thể	HTX			3	6				
3	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	LHHTX								
	Trong đó: thành lập mới	LHHTX								
4	Tổng số xã viên hợp tác xã	người	329	392	371	392	113	95	100	
	Trong đó: Xã viên mới	người		35	21	42		60	120	

CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI - LAO ĐỘNG - GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM 6 THÁNG ĐẦU NĂM - UỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Uớc thực hiện 6 tháng	Uớc thực hiện cả năm	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Uớc thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
1	Đơn vị hành chính									
	- Số đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn)	Đơn vị	7	7	7	7	100	100	100	
2	Giảm nghèo									
	- Tổng số hộ dân trên địa bàn	Hộ	12.569	12.724	12.648	12.775	100,6	99	100	
	- Tổng số hộ nghèo toàn Thành phố	Hộ	165	252	255	252	154,5	101	100	
	+ Số hộ thoát nghèo trong năm	Hộ		4	1	4		25	100	
	- Tỷ lệ hộ nghèo (tính đến hết năm kế hoạch)	%	1,31	1,98	2,02	1,97	65,0	98	100	
	+ Số hộ nghèo là người dân tộc thiểu số	Hộ	144	229	232	228	161,1	101	100	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số	%	1,15	1,80	1,83	1,78	159,5	102	99	
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,04	0,05	(0,7)	0,05	(1.765)	(1.442)	97	
	- Số hộ cận nghèo hết năm KH	Hộ	88	77	76	76	86,4	99	99	
	- Tỷ lệ hộ cận nghèo hết năm KH	%	0,70	0,61	0,60	0,59	85,8	99	98	
	- Giảm số hộ cận nghèo trong năm	Hộ		-	-	-				
3	Cung cấp các dịch vụ cơ sở hạ tầng thiết yếu									
	- Tổng số xã, phường	xã, phường	7	7	7	7	100	100	100	
	- Tổng số xã toàn thành phố	xã	2	2	2	2	100	100	100	
	- Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã	xã	2	2	2	2	100	100	100	
	Trong đó: Số xã, phường có đường ô tô đi được quanh năm	xã, phường	7	7	7	7	100	100	100	
	- Tỷ lệ bùn có đường xe máy đi lại thuận lợi	%	100	100	100	100	100	100	100	
	- Số hộ sử dụng điện (tính theo hợp đồng mua bán điện)	hộ	14.140	15.550			0	-	-	
	+ Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	100	100	100	100	100	100	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
	- Số xã có chợ xã, liên xã	xã	6	6	6	6	100	100	100	
	- Số xã có trạm y tế	xã	7	7	7	7	100	100	100	
	- Tỷ lệ xã có trạm y tế	%	100	100	100	100	100	100	100	
4	Bảo hiểm									
	- Tổng số người tham gia BHXH, BHYT trên địa bàn thành phố	Người	31.107	39.700	40.579	40.579	130,4	102	102	
	Trong đó: + Tổng số người tham gia BHXH bắt buộc	Người	8.462	10.341	10.454	10.454	123,5	101	101	
	- Tỷ lệ số người tham gia BHXH, BHYT bắt buộc so với dân số	%	18,7	22,2	22,6	22,4	121,0	102	101	
	+ Tổng số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn thành phố	Người	3.961	8.300	8.392	8.392	211,9	101	101	
5	Lao động									
	- Tổng số người trong độ tuổi lao động	Người	29.967	30.062	29.894	30.062	99,8	99	100	
	Tỷ lệ so với dân số	%	66,1	64,4	64,7	64,5	97,9	100	100	
	Trong đó: + Số người trong độ tuổi có khả năng lao động	Người	29.825	29.911	29.655	29.911	99,4	99	100	
	+ Số lao động không có khả năng LD	Người	142	147	135	147	95,1	92	100	
	- Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Người	30.700	31.345	30.949	31.345	100,8	99	100	
	Tỷ lệ so với dân số	%	67,67	67,17	66,99	67,25	99,0	100	100	
	Trong đó: + Lao động thành thị	Người	24.449	24.946	24.714	24.946	101,1	99	100	
	+ Lao động nông thôn	Người	6.251	6.399	6.235	6.399	99,7	97	100	
	- Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	Người	29.370	29.467	29.068	29.467	99,0	99	100	
	- Cơ cấu lao động (năm cuối kỳ)	%	100	100	100	100	99,9	100	100	
	+ Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	%	19,9	19,9	23,4	19,9	117,4	117	100	
	+ Công nghiệp và xây dựng	%	27,4	27,1	27,0	27,1	98,6	100	100	
	+ Dịch vụ	%	52,3	53	49	53	94,6	93	100	
	- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	79,6	80,1	79,9	80,1	100,4	99,7	100	
6	Đào tạo nghề									

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
	- Số lao động được đào tạo trong năm	Người	108	350	150	350	138,9	43	100	
	Trong đó: + Lao động nữ	Người	284	282	117	282	41,2	41	100	
	+ Lao động được đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên (dưới 3 tháng)	Người	90	350	150	350	167	43	100	
	- Tổng số lao động đã qua đào tạo, tập huấn	Người	25.054	25.275	25.020	25.275	100	99	100	
	- Tỷ lệ LĐ qua đào tạo (lũy kế) so với tổng số lao động có khả năng LĐ	%	84,0	84,5	84,4	84,5	100	99,8	100	
7	Việc Làm									
	- Số lao động được tạo việc làm mới trong năm	Người	440	920	588	920	134	64	100	
	Trong đó: Lao động nữ	Người	317	450	266	450	84	59	100	
	- Số lao động chưa có việc làm ổn định	Người	293	295	267	295	91	91	100	
	- Số hộ được vay vốn tạo việc làm	Hộ	351	581	278	581	79	48	100	
	Trong đó: + Hộ nghèo	Hộ	27	33	33	33	122	100	100	
	+ Hộ do nữ làm chủ hộ	Hộ	60	61	61	61	102	100	100	
	- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	1,0	1,28	1,21	1,28	121	95	100	
	Trong đó: Tỷ lệ thất nghiệp nữ khu vực thành thị	%	0,92	0,91	0,9	0,91	95	95	100	
	- Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động của lực lượng lao động ở Nông thôn	%	83,86	83,86	83,86	83,86	100	100	100	
	Trong đó: Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nữ ở khu vực nông thôn	%	83,14	83,14	83,14	83,14	100	100	100	
	- Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	15	15	-	15	0	-	100	
	+ Trong đó: Số lao động xuất khẩu trong năm	Người		4	1	4		25	100	
8	Trật tự an toàn xã hội									
	- Số người được cai nghiện ma túy	Người	6	14	7	14	117	50	100	
	Trong đó: + Cai tại Trung tâm điều trị cai nghiện bắt buộc tỉnh Lai Châu	Người	6	8	4	8	67	50	100	
	+ Hỗ trợ cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm điều trị Cai nghiện bắt buộc tỉnh (không thu phí)	Người		6	3	6		50	100	
	- Cai nghiện bằng thuốc thay thế (methadone)	Lượt Người	238	240	174	174	73,1	73	73	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Uớc thực hiện 6 tháng	Uớc thực hiện cả năm	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Uớc thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
9	Trẻ em									
	- Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em (lũy kế)	xã	6	7	5	5	83,3	71,4	71,4	
	- Tỷ lệ xã, phường phù hợp với trẻ em	%	86	100	71,4	71,4	83,1	71,4	71,4	
	- Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc	%	100	100	100	100	100	100	100	
	- Khám sàng lọc khuyết tật chi	cháu		2	-	2		-	100	
	+ Phẫu thuật chi	cháu		2	-	2		-	100	
	+ Phẫu thuật ánh mắt trẻ thơ	cháu	1	1	-	1	0	-	100	

CHỈ TIÊU VỀ ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM - UỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Uớc thực hiện 6 tháng	Uớc thực hiện cả năm	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/Thực hiện 6 tháng năm 2021	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Uớc thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
1	Tỷ lệ chất thải đô thị được thu gom xử lý	%	100	100	100	100	100	100	100	
	Trong đó: Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn MT	%	100	100	100	100	100	100	100	
2	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được xử lý	cơ sở	100	100						
3	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100	100						
4	Tổng số hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	Hộ	12.569	12.724	12.648	12.775	101	99	100	
	Tỷ lệ dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100	100	100	
5	Tổng số hộ dân được sử dụng nước sạch	Hộ	12.550	12.550	12.626	12.677	101	101	101	
	Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch	%	99,8	98,6	99,8	99,2	100	101	101	
	Trong đó:									
	+ Khu vực thành thị	%	100	100	100	100	100	100	100	
	+ Khu vực nông thôn	%	85	85	85	85	100	100	100	
6	Tổng số giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho hộ gia đình và tổ chức									
	Trong đó: Tổng số giấy CNQSDĐ được cấp trong năm	Giấy	103	100	88	200	85	88	200	
	+ Hộ gia đình	Giấy	103	100	88	200	85	88	200	
	Trong đó: . Cấp mới	Giấy	103	100	88	200	85	88	200	
	. Cấp đổi	Giấy								
	+ Phối hợp cấp cho tổ chức	Giấy								
7	Tỷ lệ tổng diện tích đất đã được cấp NQSĐĐ/ tổng diện tích đất cần cấp GCNQSDĐ	%	97,47	96	95,69	96	98	100	100	
	Trong đó: + Hộ gia đình	%	97,47	96	95,69	96	98	100	100	
	+ Tổ chức	%								

CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ - GIA ĐÌNH & TRẺ EM 6 THÁNG ĐẦU NĂM - UỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Uớc thực hiện 6 tháng	Thực hiện cả năm	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Uớc thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
1	Tổng số hộ	Hộ	12.569	12.724	12.648	12.775	101	99	100	
2	Dân số	Người	45.370	46.662	46.197	46.609	102	99	100	
	- Dân số trung bình	Người	45.180	46.272	46.090	46.283	102	100	100	
	+ Dân số thành thị	Người	36.204	37.083	36.695	37.030	101	99	100	
	+ Dân số nông thôn	Người	9.166	9.579	9.502	9.579	104	99	100	
	- Dân tộc thiểu số	Người	13.901	14.019	13.941	14.030	100	99	100	
	- Tỷ lệ tăng dân số	%	0,78	1,69	1,13	1,55	144	67	92	
	- Số trẻ sinh ra	Trẻ	330	656	281	650	85	43	99	
	- Số trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên	Trẻ		131	20	38		15	29	
	- Tỷ suất sinh thô	%	7,30	14,18	6,10	14,04	84	43	99	
	- Tỷ suất chết thô	%	1,4	3,1	1,1	3,0	78	37	96	
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	5,9	11,1	9,9	11,1	59	112	100	
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	%	8,77	0,3	1,20	0,72	14	424	254	
3	Kế hoạch hóa gia đình									
	- Tỷ lệ nữ từ 15-49 tuổi so với dân số	%	28,3	28,4	28,2	28,2	100	99	99	
	- Tỷ lệ các cặp vợ chồng thực hiện các biện pháp tránh thai	%	71	71	70,3	71	99	99	100	
	- Tỷ lệ các bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên so với tổng số bà mẹ sinh con trong năm	%	7,6	5,3	7,1	5,8	94	134	110	
	- Số CB làm công tác Dân số - GD&TE	Người	8	8	8	8	100	100	100	
	Tđó: + Số CB chuyên trách Thành phố	Người	5	5	5	5	100	100	100	
	+ Cán bộ chuyên trách tại xã, phường	Người	3	3	3	3	100	100	100	
	+ Số cộng tác viên dân số bản, TDP	Người	30	30	30	30	100	100	100	

CÁC CHỈ TIÊU NGÀNH Y TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM - UỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Uớc thực hiện 6 tháng	Uớc thực hiện cả năm	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/Thực hiện 6 tháng năm 2021	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Uớc thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
I	Cơ sở cung cấp dịch vụ y tế, BVSK									
1	Tổng số giường bệnh	Giường	28	30	30	30	107	100	100	
	- Giường bệnh tuyến Thành phố	"		30	30	30		100	100	
	+ Giường PKDKKV, TTYTTP	"		30	30	30		100	100	
2	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường		6,4	6,5	6,4		101	100	
3	Số trạm y tế xã, phường, thị trấn	Trạm	7	7	7	7	100	100	100	
4	Số trạm y tế xã có nữ hộ sinh	trạm	7	7	7	7	100	100	100	
5	Cơ sở y tế tư nhân	Cơ sở	29	28	28	28	97	100	100	
6	Trung tâm y tế thành phố	TT	1	1	1	1	100	100	100	
7	Số xã, phường có trạm y tế đạt tiêu chí chuẩn quốc gia	xã, phường	7	7	7	7	100	100	100	
	- Tỷ lệ số xã, phường có trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia	%	100	100	100	100	100	100	100	
8	Khoa chăm sóc SKSS	Khoa		1	1	1		100	100	
II	Mục tiêu chỉ tiêu hoạt động:									
1	Tỷ suất chết TE dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	%	0,45	6,2		6,2	-	-	100	
2	Tỷ suất chết TE dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	%	1,34	7,6	7,12	9,89	531	94	130	
3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	10,7	10,2	10,2	10,2	105	100	100	
4	Tỷ lệ TE < 1 tuổi tiêm đủ 8 loại Vaxxin	%	49,1	96,8	44,5	96,8	91	46	100	
5	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai đủ 3 lần	%	91,5	92,5	92,5	92,5	101	100	100	
6	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được tiêm phòng uốn ván	%		98,2	98,2	98,2		100	100	
7	Tỷ lệ phụ nữ có thai đẻ được khám thai	%	100	98,5	98,5	98,5	99	100	100	
8	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ	%	42,9	98,4	100,0	98,2	233	102	100	
	- Lao:	1/100000		25,74	4,35	21,6		17	84	
	- HIV/AIDS	%		0,35	0,28	0,42		80	120	
9	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	87,0	91	91	91	105	100	100	
10	Tổng số người tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố	Người	39.689	42.300						
III	Tổng số cán bộ y tế của thành phố									
	Tổng số bác sĩ tuyến thành phố	Bác sĩ	23	30	22	30	96	73	100	
	- Số bác sĩ/10.000 dân	1/10000	5,1	6,5	4,78	6,52	94	74	101	
	- Được sỹ đại học	Dược sỹ	3	5	5	5	167	100	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
	- Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường có bác sĩ (bao gồm cả bác sĩ làm việc định kỳ)	%	100	100	100	100	100	100	100	
	- Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ (biên chế tại trạm)	%	42,86	28,60	28,60	28,60	67	100	100	
	- Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi	%	100	100	100	100	100	100	100	
	- Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động	%	100	100	100	100	100	100	100	

Biểu số 11

CHỈ TIÊU VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO 6 THÁNG ĐẦU NĂM - UỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
I	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC									
1	Số học sinh có mặt đầu năm học (tổng số)	Cháu	13.109	13.932	13.359	13.932	102	96	100	
1.1	Hệ mầm non	Cháu	4.264	4.330	4.119	4.330	97	95	100	
	- Số cháu vào nhà trẻ	Cháu	1.133	875	1.067	1.159	94	122	132	
	- Số học sinh mẫu giáo	H/ sinh	3.131	3.455	3.052	3.171	97	88	92	
1.2	Hệ phổ thông	H/sinh	8.845	9.602	9.240	9.602	104	96	100	
	- Chia theo bậc học	"								
	+ Tiểu học	H/ sinh	5.446	5.749	5.672	5.749	104	99	100	
	+ Trung học cơ sở	H/ sinh	3.399	3.853	3.568	3.853	105	93	100	
2	Tổng số học sinh là dân tộc thiểu số	H/sinh	3.859	4.053	4.018	4.075	104	99	101	
	Chia ra:									
	+ Mầm non	"	1.178	1.198	1.177	1.213	100	98	101	
	+ Tiểu học	"	1.529	1.638	1.627	1.656	106	99	101	
	+ Trung học cơ sở	"	1.152	1.217	1.214	1.206	105	100	99	
3	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi									
	+ Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo được đến trường	%	100	100	100	100	100	100	100	
	+ Tiểu học	%	100	100	100	100	100	100	100	
4	Phổ cập giáo dục									
	Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS	Xã, phường	7	7	7	7	100	100	100	
	Phổ cập GDTH tiểu học mức độ 3	Xã, phường	7	7	7	7	100	100	100	
5	Tổng số giáo viên	Người	750	835	796	796	106	95	95	
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	90,0	91,6	87,8	89,2	98	96	97	
	- Cấp mầm non (Bao gồm cả số giáo viên ngoài công lập)	Người	301	358	347	347	115	97	97	
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	94	95	90	91	96	95	96	
	- Cấp Tiểu học	Người	268	279	263	263	98	94	94	
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	85	87	87	90	102	100	103	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
	- Cấp THCS	Người	181	198	186	186	103	94	94	
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	87	92	84	84	97	91	91	
6	Tổng số trường học	Trường	29	30	30	30	103	100	100	
	- Trường mầm non	Trường	13	13	13	13	100	100	100	
	- Trường tiểu học	"	9	9	9	9	100	100	100	
	- Trường phổ thông cơ sở (cấp 1; 2)	"	1	1	1	1	100	100	100	
	- Trường trung học cơ sở (cấp 2)	"	6	7	7	7	117	100	100	
7	Số trường được duy trì và đạt chuẩn quốc gia (các trường MN, TH, THCS)	Trường	23	24	23	24	100	96	100	
	- Số trường đạt chuẩn mức độ I	Trường	23	24	23	24	100	96	100	
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	79,3	80	76,7	80	97	96	100	
	+ Cấp mầm non	%	84,6	92,3	84,6	92,3	100	92	100	
	+ Cấp Tiểu học	%	88,9	88,9	88,9	88,9	100	100	100	
	+ Cấp THCS	%	50	50	50	50	100	100	100	
	- Số trường đạt chuẩn mức độ II	Trường	12	16	13	16	108	81	100	
	Trong đó: + Công nhận mới, công nhận lại và nâng mức độ trường chuẩn Quốc gia	Trường	1	4	1	4	100	25	100	
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	41	53,3	43,3	53,3	106	81	100	
8	Tổng số phòng học	Phòng	479	483	459	469	96	95	97	
	Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	
8.1	+ Cấp mầm non	Phòng	183	175	168	168	92	96	96	
	Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	
8.2	+ Cấp Tiểu học	Phòng	184	184	167	167	91	91	91	
	Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	
8.3	+ Cấp THCS	Phòng	112	124	124	134	111	100	108	
	Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	
9	Tỷ lệ huy động									
	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ (0-2 tuổi)	%	36	36,5	36,5	36,5	101	100	100	
	Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	%	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	%	100	100	100	100	100	100	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Uớc thực hiện 6 tháng	Uớc thực hiện cả năm	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Uớc thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Uớc thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
	Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ đi học chung ở cấp tiểu học	%	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học	%	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6	%	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ đi học chung cấp Trung học cơ sở	%	85	99,1	99	99	116	100	100	
	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%		100	100	100		100	100	
	Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT	%			92	92				

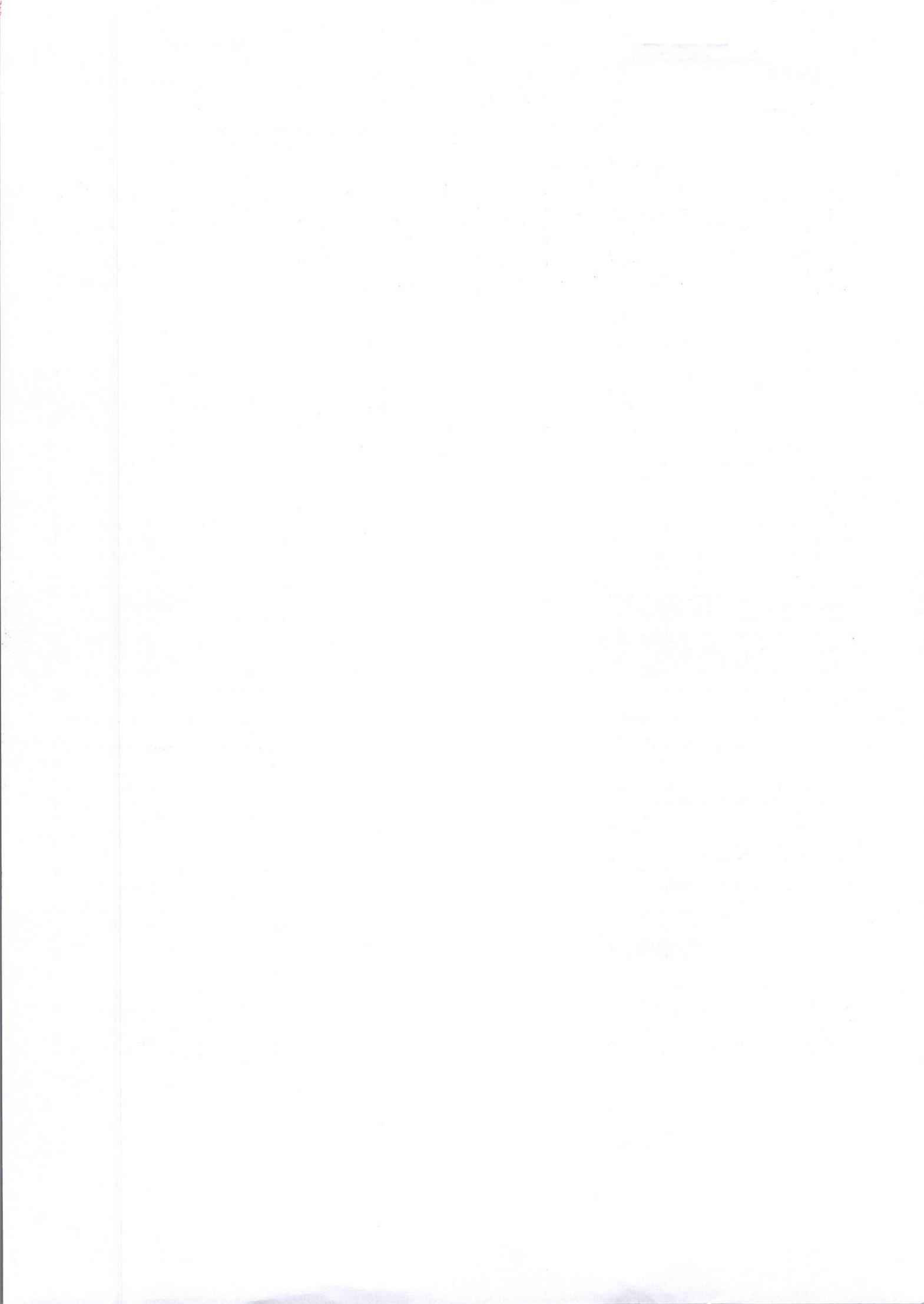
CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - THÔNG TIN - THỂ THAO 6 THÁNG ĐẦU NĂM - ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
A	VĂN HÓA - THÔNG TIN									
I	Mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động									
1	Điện ảnh									
	- Tổng số buổi hoạt động Nhà nước tài trợ	Buổi		130	53	130		41	100	
	+ Số buổi chiếu phục vụ chính trị	Buổi		130	53	130		41	100	
	- Số lượt người xem chiếu bóng trong năm	Lượt		11.000	5.500	11.000		50	100	
2	Nghệ thuật biểu diễn									
	- Số buổi biểu diễn	Buổi	8	20	14	20	175	70	100	
3	Văn hoá thông tin cơ sở									
	- Tổng số đội thông tin lưu động	Đội	1	1	1	1	100	100	100	
	- Số buổi hoạt động	Buổi	30	60	50	60	167	83	100	
	Trong đó: + TTLĐ tinh	Buổi		21		21		-	100	
	+ Thành phố	Buổi	30	50	50	50	167	100	100	
	- Số bản, tờ dân phố đăng ký danh hiệu VH	Tờ DP, bản	70	70	70	70	100	100	100	
	Trong đó: Số bản, tờ dân phố được công nhận trong năm	Tờ DP, bản		69		69		-	100	
	- Tỷ lệ bản, tờ dân phố được công nhận VH	%		98,6		98,6		-	100	
	- Số hộ đăng ký gia đình văn hóa	Hộ	12.102	12.410		12.425	-	-	100	
	Trong đó: Số hộ được công nhận	Hộ	12.038	12.100		12.132	-	-	100	
	- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận VH	%		96		96		-	100	
	- Số cơ quan, đơn vị, trường học đăng ký tiêu chuẩn văn hóa trong năm	CQ, ĐV, TrH	163	163		163	-	-	100	
	Trong đó: Số cơ quan, đơn vị, trường học được công nhận trong năm	CQ, ĐV, TrH	160	160		160	-	-	100	
	- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học được công nhận trong năm	%	98,1	98,1		98,1	-	-	100	
	- Tổng số tuyên phổ đạt tuyên phổ văn minh	Tuyên	75	85		85	-	-	100	
	Trong đó: Số tuyên phổ được công nhận trong năm	Tuyên	15	10		10	-	-	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
	- Tỷ lệ tuyển phô đạt tuyển phô văn minh	%	57,3	64,9		64,9	-	-	100	
	- Phường đạt chuẩn văn minh đô thị,	Phường	2	2	2	2	100	100	100	
	Trong đó công nhận mới	Phường								
	- Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	Xã	1	1	1	1	100	100	100	
	Trong đó công nhận mới	Xã								
4	Thư viện	Nhà								
	- Số sách mới	Bản		500		500	-	-	100	
	- Tổng số sách có trong thư viện	Bản	6.803	7.453	6.803	6.803	100	91	91	
	- Tổng số lượt người đọc trong năm	Lượt		9.000	1.000	4.570		11	51	
5	Bảo tồn, bảo tàng									
	- Số di tích đã được xếp hạng	Di tích	2	2	2	2	100	100	100	
6	Số xã, phường có nhà văn hóa, thư viện	Xã, phường	7	7	7	7	100	100	100	
II	Cơ sở vật chất cho hoạt động VHTT									
1	Số nhà văn hoá trên địa bàn	Nhà	79	79	79	80	100	100	101	
	Trong đó: - Thành phố quản lý	Nhà		1	1	1		100	100	
	- Xã, phường quản lý	Nhà	7	7	7	7	100	100	100	
	- Tổ dân phố, bản quản lý	Nhà	72	71	71	72	99	100	101	
B	THỂ DỤC - THỂ THAO									
1	Số người tham gia tập luyện thường xuyên	Người	19.550	20.128	19.850	20.130	102	99	100	
	- Tỷ lệ so với dân số	%	43,1	43,1	43,0	43,2	100	100	100	
2	Số gia đình được công nhận là gia đình thể thao	Gia đình	4.590	4.649	4.650	4.665	101	100	100	
3	Số câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	CLB	115	125	126	127	110	101	102	
4	Cơ sở thi đấu TDTT đúng tiêu chuẩn									

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 6 tháng 2022/ Thực hiện 6 tháng năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	Ước thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
	- Sân vận động	sân	1	1	1	1	100	100	100	
	- Nhà luyện tập thể thao	nhà	60	60	60	60	100	100	100	



Biểu số 13

CHỈ TIÊU VỀ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG - PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM - UỐC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số: 1626 /BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022			So sánh %			Ghi chú
				Kế hoạch giao	U'c thực hiện 6 tháng	U'c thực hiện cả năm	U'c thực hiện 6 tháng 2022/Thực hiện 6 tháng năm 2021	U'c thực hiện 6 tháng 2022/Kế hoạch giao 2022	U'c thực hiện cả năm 2022/Kế hoạch giao 2022	
I	Bưu chính									
1	- Mạng bưu cục									
	+ Bưu cục cấp 1	Bưu cục	1	1	1	1	100	100	100	
	+ Bưu cục cấp 3	Bưu cục	1	1	1	1	100	100	100	
2	- Điểm bưu điện văn hóa xã	Điểm	3	3	3	3	100	100	100	
II	Viễn thông									
1	Tổng số trạm BTS	Trạm	260	268	268	268	103	100	100	
2	Tổng số thuê bao điện thoại	Thuê bao	84.626	92.500	92.246	92.500	109	100	100	
3	Số thuê bao điện thoại/1000 dân	Thuê bao	1.588	1.750	1.731	1.750	109	99	100	
4	Tỷ lệ xã có điện thoại đến trung tâm xã	%	100	100	100	100	100	100	100	
5	Tổng số thuê bao internet	Thuê bao	14.680	14.890	14.820	14.890	101	100	100	
6	Số xã, phường có mạng internet	Xã, phường	7	7	7	7	100	100	100	
III	Chỉ tiêu hoạt động									
1	Tổng số giờ phát thanh	Giờ/năm	816	2.400			-	-	-	
	- Số giờ phát thanh từ đài Thành phố sản xuất	"	88	200	97	145	111	49	73	
	- Số giờ phát thanh bằng tiếng dân tộc	"								
2	Tổng số giờ phát sóng FM	Giờ/năm	1.200	2.000	1.024	2.000	85	51	100	
3	Số hộ xem được Đài TH Việt Nam	hộ								
4	Tỷ lệ số hộ xem được Đài TH Việt Nam	%	100	100	100	100	100	100	100	
5	Tỷ lệ số hộ nghe được Đài tiếng nói Việt Nam	%	100	100	100	100	100	100	100	
IV	Cơ sở vật chất cho hoạt động PT-TH									
1	Số trạm phát sóng FM	Trạm								
	- FM huyện, xã	"	7	7	7	7	100	100	100	
2	Số trạm truyền thanh thành phố	Trạm	1	1	1	1	100	100	100	



